

Vẫn phải xin thành thật nói rằng:

Là kẻ hậu bối, hậu học, trí tuệ hiểu biết về kinh tựa như lớp bèo trên sông nước ... Sự kém cỏi là điều hiển nhiên, xin cúi đầu mong nhận những lời chỉ dạy (P.T.C).

CHÚ GIẢI KINH DUY MA CẬT

Trong phần chú giải này – sẽ không làm công việc giải thích từ, ngữ. Tất cả đã có trong tác phẩm kinh – xin tìm đọc ở mục “Tác Phẩm kinh” ngay trong website này.

I. PHẨM PHẬT QUỐC

Mở đầu kinh, phẩm (chương) có tên là: nước Phật. Trong phẩm này, có rất nhiều người, nhiều giới đến để nghe đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp tại thành Tỳ Da Ly. Trong số ấy có hàng vạn Bồ Tát “tên tuổi” – đã đạt những đạo quả không phải là “thập” ; có hàng ngàn vị *Thiên đế* và *các hàng chư Thiên có oai lực lớn* cũng đến dự – tuy nhiên, đông đảo hơn vẫn là đại chúng: có “trăm nghìn đại chúng đông đảo cung kính vây quanh đây, ví như núi chúa Tu di hiển bày nơi bề cả”. Như vậy, “nước Phật” được hiểu là: không chỉ dành cho các vị Bồ Tát “tên tuổi” ; không chỉ dành cho hàng ngàn vị *Thiên đế* và *các hàng chư Thiên có oai lực lớn* – mà còn thuộc về số đông: *trăm nghìn đại chúng*. Khái niệm này có từ ngàn xưa – nhưng sao vẫn cứ là mới mẻ – vẫn cứ đầy xúc động ! Phật – đúng là như vậy – và, phải là như vậy !

Sau khi nghe bài kệ tán thán mình, và nghe yêu cầu của đại diện 500 con các vị trưởng giả, đức Thế Tôn giảng giải vấn đề: *Những hạnh được Tịnh độ*.

Những hạnh được Tịnh độ là thế nào ? Là những đức tính của Phật. Như vậy, vấn đề sẽ xoay quanh: Những đức tính gì được gọi là đức tính Phật. Nói một cách khác: những đức tính gì của một Bồ Tát để được gọi là đức tính Phật – cụ thể hơn nữa: một đức Phật thì cần có những đức tính gì ?

“*Tất cả chúng sanh là cõi Phật của Bồ Tát*”. Đó là câu mở đầu bài thuyết giáo của Như Lai. Ngay trong câu mở đầu này, đã cho thấy: đó là đức tính Phật. Đức Phật nhìn thấy cõi Phật ở đâu ? Ở ngay tại nơi có tất cả chúng sanh ! Ở ngay chính cõi nhân gian này. Bởi, một Bồ Tát đích thực không còn chút khái niệm nào về *Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả*.

“*Tất cả chúng sanh là cõi Phật của Bồ Tát*”. Bởi, giả như Bồ Tát chọn một nơi không chúng sanh – như một nơi tất cả đã là Phật – thì khi đó Bồ Tát thể hiện

hạnh của mình như thế nào ? Với ai ? Để làm gì ? Hoa sen thơm ngát luôn nhìn ra chôn bùn đen là cõi Phật của mình.

Vì vậy, một khi lấy “*Tất cả chúng sanh là cõi Phật*” của mình, thì một Bồ Tát muốn thể hiện *hạnh* của mình – phải theo (phương tiện) sự mong muốn của chúng sanh vậy. Một chúng sanh chỉ muốn tu để làm giàu – sao không chỉ cho người ta thành tựu mộng ước làm giàu ? Sao Bồ Tát lại cứ đi “xúi” người ta thành Phật như mình ? Một khi Bồ Tát cứ khăng khăng “xúi” như vậy là chưa rời các khái niệm *Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả*. Vì vậy mà đây chúng sanh vào chuyện “*xây dựng giữa hư không*”.

Như vậy, ngay khi mở đầu kinh đã cho thấy: đức Phật đã nhìn ra và nhắc nhở Bồ Tát về một căn bệnh “trầm kha”: khuôn sáo, cứng nhắc. Sau đó Ngài đã nói cụ thể hơn về các *hạnh* của một Bồ Tát (xuất gia) phải giữ gìn, đó là:

Trực tâm ; Thâm tâm ; Bồ Đề tâm ; Bồ thí ; Trì giới ; Nhẫn nhục ; Tinh tiến ; Thiên định ; Tứ vô lượng tâm ; Tứ nhiếp Pháp ; Phương tiện ; Ba mươi bảy phẩm trợ đạo ; Hồi hướng tâm ; Nói Pháp trừ tám nạn ; Tự mình giữ giới hạnh không chê chỗ kém khuyết của người khác ; Mười điều lành .

Và, những gì đức Phật dạy sau đây là hết sức biện chứng và đầy lý thú:

“Bồ Tát tùy chỗ trực tâm mà hay phát hạnh, tùy chỗ phát hạnh mà được thâm tâm, tùy chỗ thâm tâm mà ý được điều phục, tùy chỗ ý được điều phục mà làm được như lời nói, tùy chỗ làm được như lời nói mà hay hồi hướng, tùy chỗ hồi hướng mà có phương tiện, tùy chỗ có phương tiện mà thành tựu chúng sanh, tùy chỗ thành tựu chúng sanh mà cõi Phật được thanh tịnh, tùy chỗ cõi Phật thanh tịnh mà nói Pháp được thanh tịnh, tùy chỗ nói Pháp thanh tịnh mà trí tuệ được thanh tịnh, tùy chỗ trí tuệ thanh tịnh mà tâm thanh tịnh, tùy chỗ tâm thanh tịnh mà tất cả công đức đều thanh tịnh. Cho nên, Bảo Tích này !

Bồ Tát nếu muốn được cõi Phật thanh tịnh, nên làm cho tâm thanh tịnh; tùy chỗ Tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh”.

Đến đây, “diễn biến” trong kinh bỗng dung đột ngột chuyển đổi: nếu như *cõi Phật* đã được đề cập – là một ẩn dụ mang ý nghĩa thanh cao, tính nhân bản sâu đậm và đó cũng là một ẩn dụ thực tiễn, hết sức thiết thực đối với một Bồ Tát – thì, cõi Phật của “nhân vật” Xá Lợi Phất đề cập – lại là những gì trần trụi, sống sượng.

Song, đó cũng là vấn đề thuộc thực tiễn.

Thực tiễn – chẳng thể là một vấn đề như mong đợi. Rất thường khi – vấn đề xảy ra theo chiều hướng “bóp chát”, “sõ sàng” như vậy.

Đây – cũng lại là vấn đề khác của Bồ Tát: sự đóng khung bất di bất dịch vào một sự vật, hiện tượng con người.

Ngài Xá Lợi Phất – là một trong thập đại đệ tử của đức Như Lai . Một khi đã là một trong thập đại đệ tử của đức Như Lai – thì không một ai được “đụng đến” ! Kinh Duy Ma Cật – sẽ còn “trêu ngươi” – không chỉ duy nhất Ngài Xá Lợi Phất như vậy.

Rõ là, trong phẩm đầu tiên này – người đọc đang từ trạng thái “bay bổng nhẹ nhàng” – bỗng dung, bị gáo nước lạnh, hắt vào mặt ... “*Thế Tôn ta khi trước làm Bồ Tát tâm ý lẽ nào không thanh tịnh, sao cõi Phật này không thanh tịnh như thế ?*”. Bị gáo nước hắt vào mặt, nghe câu ấy, mặt đang lạnh ngắt – thoắt nóng đỏ phùng phùng ...

Tất nhiên, người chép kinh (các vị Tổ) có được “chút đặc quyền”: sắp xếp, tính toán, cân nhắc ... sao cho người đọc, tụng, niệm kinh không nhầm chán. Cũng phải luôn nên nhớ rằng: hình thức nghệ thuật (cổ) luôn được đưa – hoặc chí ít là ảnh hưởng – không ít thì nhiều đến các kinh Phật.

Trong phẩm này, việc chọn “hành động” của đức Như Lai ấn ngón chân xuống – để “*tức thì cõi Tam thiên đại thiên thế giới liền hiện ra bao nhiêu trăm nghìn thứ trân bảo trang nghiêm rực rỡ*” nhằm “thuyết phục” nhân vật “Xá Lợi Phất” về tính trang nghiêm, thanh tịnh nơi cõi Phật – là dư thừa về nội dung (bởi vấn đề chỉ đơn giản là: tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh) – song, việc đức Như Lai ấn ngón chân xuống ... lại tăng tính “hành động” – tạo hấp dẫn (theo kiểu thần thoại – có thể cách đây hơn hai ngàn sáu trăm năm, đây là kiểu nghệ thuật “hành động” đầy lôi cuốn).

Có thể, cách làm này của các Tổ sẽ gây khó chịu cho một số người đọc – song, sự tiếp nhận tính triết lý: tâm thanh tịnh, cõi Phật trang nghiêm – của “câu chuyện” mới là điều cốt lõi – và điều cốt lõi ấy đã đạt kết quả nhất định.

II. PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Phẩm này là phẩm giới thiệu “nhân vật chính”: Bồ Tát Duy Ma Cật. Những gì giới thiệu về Ngài Duy Ma – cho thấy Ngài là Bồ Tát cận kề Phật – đầy đủ đức hạnh – phước đức nhiều không sao kể xiết – thuyết pháp cuốn hút hàng nghìn người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bồ Tát Duy Ma Cật hiện thân làm Trưởng Giả và lấy cớ bệnh (phương tiện) để có những cuộc “đổi đầu” với thập đại đệ tử của đức Phật.

Rõ ràng, cuộc đổi đầu giữa Trưởng giả (Bồ Tát) Duy Ma Cật với thập đại đệ tử đức Phật – là trọng tâm của bộ kinh Duy Ma.

Các Tổ chọn cách này với mục đích gì ?

Với mục đích duy nhất là: đây sẽ là cuộc tranh luận “nảy lửa” – có một không hai – giữa giới Thanh văn và giới Bồ Tát. Cuộc tranh luận này sẽ như thế nào ? Mời “xem tiếp hồi sau sẽ rõ”.

Các tổ đã chọn cách: bất kỳ người nào, khi tiếp cận thông tin kiểu như vậy, đều náo nức, hồi hộp trong chờ đợi – và sẽ phải tìm mọi cách để tiếp cận cho bằng được bộ kinh này.

Có quan điểm cho rằng: mâu thuẫn giữa giới Thanh Văn và Bồ Tát đã đến đỉnh điểm – và, bộ kinh Duy Ma là tiếng nói mạnh mẽ, thể hiện ý chí riêng của giới Bồ Tát – với những gì lịch sử để lại cho thấy đó là quan điểm không sai – song, nhìn theo chiều như vậy dễ mang đến những suy tư mỗi mệ – và, sẽ làm mất sự thi vị – khi tiếp cận một tác phẩm thuộc loại độc đáo nhất từ cổ chí kim: kịch – kinh Phật.

Vì là kịch – nên sẽ có mâu thuẫn kịch, xung đột kịch. Thông thường, các mâu thuẫn và xung đột này được thể hiện bởi hai bên đối chọi nhau – và, về nguyên lý, chỉ khi hai bên cân đối cả về lượng lẫn chất – thì khi đó cuộc đối đầu mới gay cấn, quyết liệt. Vì, một “chơi” mười – nên cái mười kia buộc phải kém về chất – để cho cái một thắng.

Không nên cho rằng giới Bồ Tát thắng giới Thanh Văn – mà hãy nên hiểu, đó là: lẽ phải, chân lý thắng giả dối, ngụy tạo.

III. PHÂN ĐỆ TỬ

1. Ngài Duy Ma Cật đối thoại với Ngài Xá Lợi Phất về thiền.

Đối với Ngài Duy Ma, tìm chỗ thanh vắng ngồi thiền – chưa phải là thiền. Nếu như ngồi giữa ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới – mà nhập định được, đó mới gọi là thiền ; nếu như đang phải lam lũ (*hiện các việc phàm phu*) mà không rời đạo pháp mới là thiền ; *Tâm không trụ trong cũng không ở ngoài* mới là thiền ; *đối với các kiến chấp không động mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo mới là thiền ; không đoạn phiền não mà vào Niết bàn mới là thiền* . Nếu làm được như vậy – mới thành Phật (trong kinh là Phật chứng nhận) .

Như vậy, đối với Ngài Duy Ma Cật nói riêng, đối với giới Bồ Tát nói chung, cho rằng: nếu như ngay giữa đời sống thường nhật hàng ngày, tìm được ý nghĩa *thiền* – thì đó mới đích thực là thiền.

Cách đây hằng ngàn năm – khi Ngài Duy Ma Cật đang chấp bút – viết đến đâu, liên quan đến ai, các Ngài đều biết hết. Vì vậy, Ngài Xá Lợi Phất đọc đến đây, thị hiện, gặp Ngài Duy Ma Cật, vỗ vai khen và nói rằng: các phái Thiền Tông nên vận dụng ý nghĩa này để thực hành.

2. Ngài Duy Ma Cật đối thoại với Ngài Đại Mục Kiền Liên về tánh không của các pháp.

Tất cả những gì trọng yếu mà Bồ Tát Duy Ma Cật nói với Ngài Đại Mục Kiền Liên là về tánh không của các sự vật hiện tượng (*ở đây các pháp có nghĩa là*

sự vật, hiện tượng). Xin tham khảo thêm phần chú giải “Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa”, đã đề cập rất rõ vấn đề này.

Đối với Ngài Mục Kiền Liên, vốn đạt phép thần thông bậc nhất – trong thập đại đệ tử của đức Phật – nên tánh không của các pháp thì có gì mà phải “lặng câm”. Vì vậy, khi đọc được những điều này, Ngài Mục Kiền Liên đã “thui” vào vai Ngài Duy Ma Cật một cái rồi cười xòa.

3. Ngài Duy Ma Cật đối thoại với Ngài Đại Ca Diếp về nghĩa của khát thực

Khi xây dựng tác phẩm kinh này, các Tổ vấp phải vấn đề rất lớn: vì là kinh nên phải ghi chép đúng tinh thần, triết lý, tư tưởng của đức Thế Tôn. Những triết lý, tư tưởng cơ bản của đức Thế Tôn không chỉ ở bộ kinh Duy Ma – cho nên, nếu có những khác lạ – làm biến dạng hoặc làm méo mó tinh thần, triết lý, tư tưởng của đức Thế Tôn – thì người đọc, người nghiên cứu không thể không biết. Đó là điều căn bản của một người ghi chép, dịch thuật kinh Phật. Nếu việc ghi chép kinh như truyền thống – thì vấn đề sẽ không quan ngại – song, việc “chuyển thể” một tác phẩm kinh thành một tác phẩm kinh – kịch đòi hỏi rất lớn vào sự tài hoa của người thực hiện, đó là: xây dựng tính cách nhân vật. Ở đây, việc xây dựng tính cách nhân vật tập trung duy nhất vào nhân vật chính: Ngài Duy Ma Cật. Về lý luận: tính cách nhân vật (chính) càng độc đáo bao nhiêu thì tác phẩm càng độc đáo bấy nhiêu. Có nghĩa, “linh hồn” của một tác phẩm dựa rất lớn vào tính cách nhân vật.

Vậy, tính cách của Ngài Duy Ma Cật trong tác phẩm này đòi hỏi phải như thế nào ?

Vì các Tổ chọn cuộc đối đầu giữa nhân vật chính với thập đại đệ tử của đức Phật – cho nên, tính cách chủ đạo của Ngài Duy Ma Cật phải là tính cách của một nhà cực thông thái – “siêu” thông thái. Tính chất cực thông thái – “siêu” thông thái ấy được thể hiện chủ yếu bằng phương tiện lời thoại. Đây là việc làm rất khó, quá khó.

Nếu như nhân vật chính dùng lời thoại – như những gì các kinh khác đã ghi chép – thì bộ kinh Duy Ma có gì đâu đáng phải chú ý ? Còn nếu như “sáng tác” ra những điều mới lạ – thì đó cũng chỉ là những quan điểm – về một số vấn đề thuộc phạm vi đời sống, sinh hoạt, hoằng pháp, phương pháp tu tập của các giới tu sĩ (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát). Những gì thuộc chân lý mà đức Như Lai truyền đạt thì không thể *thêm bớt* – bởi, chân lý là chỉ có một.

Sự đối thoại giữa Ngài Duy Ma Cật với Ngài Đại Ca Diếp về nghĩa của khát thực – không được ... như mong đợi. Trước đó, trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” cũng đã mô tả việc đức Phật đi khát thực *tuần tự từng nhà, không phân biệt giàu nghèo* – bởi ý nghĩa khát thực không phải là *miếng ăn*. Đó

là việc “đi giữa cõi Phật” của Như Lai. Khất thực, đó cũng là việc giúp những người đang tha thiết thực hành hạnh bố thí một cách tốt nhất.

Ngài Ca Diếp ? Nếu có thể không bỏ bát tà mà vào bát giải thoát, dùng tướng tà mà vào Chánh pháp , dùng một bữa ăn mà thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và các bậc Hiền Thánh rồi sau mới ăn (...) Nếu ăn như thế là ăn đồ cúng thí của người không uống vậy.

Chỗ này thể hiện sự lúng túng nhất định – trong việc cố giúp cho Ngài Duy Ma Cật “trở thành” thông thái. *Nếu có thể không bỏ bát tà mà vào bát giải thoát, dùng tướng tà mà vào Chánh pháp (...)* ý của Ngài Duy Ma Cật là: “bát tà”, “tướng tà” – nhưng chẳng phải là “bát tà”, “tướng tà” – nên (thành thoi) bước vào chánh pháp.

Ngài Đại Ca Diếp – trong hàng thập Đại đệ tử, là người đức hạnh bậc nhất, cũng là khổ hạnh bậc nhất – đọc đến đây, vỗ vỗ vào vai Ngài Duy Ma Cật, động viên: “ Cố lên !”.

4. Ngài Duy Ma Cật đối thoại với Ngài Tu Bồ Đề về nghĩa của khất thực

Khất thực mang ý nghĩa gắn kết, thể hiện mối đồng cảm sâu sắc giữa Bồ Tát và chúng sanh. Cho nên, Chúng sanh khổ, Bồ Tát khổ.

Giả như không có miếng ăn, Bồ Tát cũng không thể quay mặt trước nỗi thống khổ của đồng loại, hưởng hồ ... nhận nơi chúng sanh chén cơm – ấy cũng là nhận chén ân tình rồi.

Ngài Duy Ma Cật đẩy tình huống vào các cực: những người Bồ thí, cúng dường – bị đọa vào ba đường ác – nếu cùng họ vào ba đường ác, *để nắm tay nhau làm bạn lữ thì mới nên lấy món ăn (nhận vật cúng dường)*. Như đã đề cập ở trên, đây cũng chỉ là quan điểm của Ngài Duy Ma Cật nói riêng, giới Bồ Tát nói chung về một trong các vấn đề thuộc phạm vi đời sống, sinh hoạt, hoằng pháp, phương pháp tu tập của các giới tu sĩ . Thực ra, để giáo hóa chúng sanh – không nhất thiết phải như thế. Phải chăng đây mới là ý thâm sâu của kinh Duy Ma ?

Trong phần này, khi đề cập đến “Lục sư”, kinh Duy Ma chỉ nhằm lên tiếng phê phán đích danh những con người chủ trương ngoại đạo.

Ngài Tu Bồ Đề – là Đại A La Hán tổ ngộ lý chơn không, bậc nhất trong hàng Thanh Văn, đọc đến đây, đến bên Ngài Duy Ma Cật (khi đó ngài Duy Ma Cật đang vò tóc, bứt tai), bèn lấy tay vỗ vỗ vào trán Ngài Duy Ma Cật, nói: “Nhưc đầu nhĩ ?!” .

5. Ngài Duy Ma Cật đối thoại với Ngài Phú Lô Na về hoằng pháp

Ngài Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử : Tâu dịch là Mãn Tử Tử, nghĩa là con của ông Mãn (cha) bà Tử (mẹ). ông có tài thuyết pháp bậc nhất trong hàng Thanh Văn.

Một thuyết pháp gia thuộc bậc nhất trong hàng Thanh Văn – thì những vấn đề nêu ra của Ngài Duy Ma Cật xem ra chẳng có nghĩa lý gì – cho nên, đến đây các Tổ phải dùng đến phép thần thông – để nâng Ngài Duy Ma Cật lên hẳn một tầm cao mới: “*ông Duy Ma Cật liền nhập tam muội (chánh định) làm cho những vị Tỳ kheo đó biết được kiếp trước của mình đã từng ở 500 đức Phật vun trồng các cội đức, hồi hướng về đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, liền đó bỗng suốt trở lại đặng bốn tâm (Đại thừa). Khi ấy, các vị Tỳ kheo cúi đầu dâng lễ nơi chơn ông Duy Ma Cật, ông liền nhân đó nói pháp làm cho tất cả không còn thối lui nơi đạo vô thượng Bồ Đề*”.

Đọc đến đây, Ngài Phú Lô Na đến bên Ngài Duy Ma Cật, húych nhẹ một cái cùi chỏ vào mạn sườn bên trái của Ngài Duy Ma Cật rồi cung tay cười, nói: “Bái phục, Bái phục”.

6. Ngài Duy Ma Cật đối thoại với Ngài Ma Ha Ca Chiên Diên về lẽ vô thường, khổ, không, vô ngã và tịch diệt

Ngài Duy Ma Cật giải thích về lẽ *vô thường*: Vạn vật không sanh không diệt (vì không sanh không diệt nên biến đổi không ngừng từ dạng này sang dạng khác)

Ngài Duy Ma Cật giải thích về lẽ *khổ*: “*năm ấm rỗng không, không chỗ khởi là nghĩa “khổ”*: Có nghĩa: chết là *khổ*

Ngài Duy Ma Cật giải thích về lẽ *không*: *các Pháp rốt ráo không có, là nghĩa “không”*: Nghĩa là tướng vạn vật là giả dối, thực tướng là *không*.

Ngài Duy Ma Cật giải thích về lẽ *vô ngã*: *ngã và vô ngã không hai* . Có nghĩa: Khi không còn phân biệt ngã và vô ngã nữa – đã đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác – là *vô ngã*.

Ngài Duy Ma Cật giải thích về lẽ *tịch diệt*: *trước không sanh, nay cũng không diệt, là nghĩa “tịch diệt”*. Điều này thì rõ rồi (!).

Ngài Ma Ha Ca Chiên Diên, nhà hùng biện tài hoa bậc nhất trong hàng Tỳ kheo, đến đàng sau Ngài Duy Ma Cật, đọc xong đoạn này, xô nhẹ đầu Ngài Duy Ma Cật, và trước khi bỏ đi, ném lại sau lưng hai chữ: “cũng được”.

7. Ngài Duy Ma Cật đối thoại với Ngài A Na Luật về thiên nhãn

Chân Thiên Nhãn của đức Phật đó là: vạn vật trong thế gian và xuất thế gian hiện ở trong định. Vạn vật trong thế gian và xuất thế gian hiện ở trong định với bản chất – tức cấu trúc tâm linh “lõi” (đã gọi là cấu trúc tâm linh phần tâm) – vì vậy, những gì đức Thế Tôn THẤY, đức Thế Tôn BIẾT là sự thấy, sự biết về bản chất – cho nên gọi đó là duy nhất, là không hai. Và, với cấu trúc tâm linh này, nó không hình, không tướng (như đã trình bày, nó có dạng “hình cầu” –

nhưng thực ra cũng chẳng phải là hình cầu – bởi đó là khối sáng vi tế “hình cầu” rất sinh động).

Với thiên nhãn của các pháp *Hữu Vi* – còn phải dũi tìm – hình ảnh thấy được đó không phải là bản chất, đó là cấu trúc tâm linh phần thể (đã trình bày trong Tâm và Tâm linh) – như vậy, sự thấy, sự biết vẫn là giả tạo, không thật – vì vậy gọi đó là hai.

Ngài A Na Luật, đến bên Ngài Duy Ma Cật lúc nào và bỏ đi lúc nào chẳng ai hay.

8. Ngài Duy Ma Cật đối thoại với Ngài Ưu Ba Ly về giới và tội

Giữ giới, hiểu giới, để không phạm giới (luật). Một khi đã phạm giới – thì sao có thể làm được chuyện: *giải rõ chỗ nghi hồi cho chúng tôi được khỏi tội ấy*.

Như đã trình bày (trong phần “Tâm và Tâm linh” – sự sám hối, đó là sự sám hối về phía trước: để sẽ không bao giờ còn tái phạm. Và, sự ăn năn thể hiện bằng những việc thiện – nhằm bù đắp tội lỗi đã làm. Không có chuyện “trắng án”. Bởi, tất cả đã được chuyển hóa)

Cho nên nếu như Ngài Ưu Ba Ly định tìm cách giúp cho cho những người phạm tội kia *được khỏi tội ấy* – thì liệu rằng Ngài Ưu Ba Ly có xứng với danh hiệu của bậc A La Hán đệ nhất giữ giới (luật) ?

Quả thật, chỉ mới thoáng thấy bóng Ngài Ưu Ba Ly, Ngài Duy Ma Cật đã vội ôm xấp bản thảo chạy mất dạng.

9. Ngài Duy Ma Cật đối thoại với Ngài La Hầu La về việc xuất gia

Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” đã nói rất sâu về ý nghĩa công đức (phước đức). Một Bồ Tát nếu như *không dựa vào đâu* thì mới không *tom góp* (phước đức). Việc xuất gia – nhằm có những điều kiện tốt hơn trong việc tu tập – nếu cho rằng: xuất gia nhằm tạo công đức lớn hơn so với người tu tại gia là sai rồi !

Không lợi không công đức, mới thật là xuất gia. Về pháp Hữu vi có thể nói là có lợi, có công đức còn xuất gia là pháp Vô vi, trong pháp Vô vi không lợi, không công đức.

Thực ra câu nói này của Ngài Duy Ma là chưa chuẩn. Các pháp *Hữu vi* cũng dung nạp hình thức xuất gia. Và, thực ra, việc xuất gia hay không xuất gia – chưa thể nói ngay điều gì. Việc tu tập như thế nào, căn duyên (bản chất) thật sự ra sao ... những chuyện ấy, chỉ có trí tuệ Ba La Mật với phương tiện là *lục thông* thì mới nhìn và biết được. Đúng ra, thỉnh thoảng các Tổ nên để cho ông Duy Ma Cật này bị các đại đệ tử Phật “bẻ giò”.

“*Các Trưởng giả tử nói :*

– *Thưa Cư sĩ, chúng tôi nghe Phật dạy : “Cha mẹ không cho, không được xuất gia”.*

Ông Duy Ma Cật nói :

– *Phải, các người nếu phát tâm Vô Thượng Bồ Đề , đó chính là xuất gia, đó chính là đầy đủ Giới Pháp”.*

Ngài La Hầu La đọc đến chỗ này, mặt ý khen Ngài Duy Ma Cật điều gì đó khiến Ngài Duy Ma Cật đỏ mặt, bối rối ...

10. Ngài Duy Ma Cật đối thoại với Ngài A Nan về “thân” Phật.

Khi đức Phật còn tại thế, hẳn có nhiều người nghĩ về đức Phật như Ngài Duy Ma Cật nói: Đức Phật mà cũng bệnh ư ? Đức Phật mà cũng đau yếu, già chết ư ? Thân của đức Phật phải là thân kim cương – bệnh sao được ? “*Sao gọi là Thầy, bệnh của mình không cứu nổi mà cứu được bệnh người khác ư ?*” Tất cả những điều này đều là miệng lưỡi thế gian, đều là “phản ánh hiện thực khách quan” một cách thô thiển .

Trên thực tế, Ngài A Nan, bỏ ngoài tai những lời ấy, lẳng lặng đi lấy sữa về cho đức Phật. Cho nên khi đọc đến đoạn: “*Con liền nghe trên hư không có tiếng nói rằng : “A Nan ! Đúng như lời Cư sĩ đã nói, chỉ vì Phật ứng ra đời ác đù năm món trước nên hiện ra việc ấy, để độ thoát chúng sanh thôi. A Nan! Hãy đi lấy sữa chớ có thẹn”* . Ngài A Nan định “chỉnh” Ngài Duy Ma Cật điều gì đó, ngoái đầu quay sang, ngài Duy Ma Cật đã “lĩnh” đi tự lúc nào .

IV. PHẨM BỒ TÁT

1. Đối thoại giữa Ngài Duy Ma Cật với Bồ Tát Di Lặc về việc thọ ký và Bồ Đề tâm.

Những vấn đề đặt ra trong phẩm này và một số phẩm khác – đã là những vấn đề thuộc về các bộ kinh trước đó – đặc biệt trong bộ kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” – bộ kinh bao quát gần như toàn bộ hệ tư tưởng của đức Thích Ca Mâu Ni.

Mở đầu của phẩm này, thực chất của vấn đề đặt ra là: nếu Bồ Tát Di Lặc được đức Thế Tôn **ban** cho quả đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác thì *tất cả chúng sanh đều phải được* (Thế Tôn ban cho) *quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

Vấn đề Ngài Duy Ma Cật đặt ra là vấn đề “nóng hổi”, là vấn đề “thời sự” – tưởng rằng chỉ xảy ra cách đây khoảng hai ngàn năm – hóa ra, vẫn là vấn đề “thời sự”, vẫn là vấn đề “nóng hổi” của bây giờ, đó là: có quá nhiều người nghĩ rằng, tin rằng: đức Phật là đáng “bề trên”, có đặc quyền ban phát, ban ơn – thậm

chí là ban phát, ban ơn đạo quả tốt cùng : Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (xin xem chú giải kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”).

Khi đức Phật “thọ ký” cho Bồ Tát Di Lặc – nhiều người nghĩ rằng: đức Phật đã ban “ân sủng”, ban cho Bồ Tát Di Lặc cái “chức” thay đức Phật giáo hóa chúng sanh ở cõi ta bà này. Và, muốn thay cái “chức” ấy thì đức Phật ban cho Bồ Tát Di Lặc “văn bằng”, (như “bằng” tiền sĩ), đó là: Văn bằng “tốt nghiệp” Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong số những người suy nghĩ sai lệch, có lẽ có những người nói ra ”rất ngại” – nên các Tổ đành “lôi” thẳng Bồ Tát Di Lặc ra để nói vậy.

Một khi: Bồ Tát Di Lặc mà còn “sai” thì ... những người khác ... sự dần vật về nhận thức sai sót cũng được giảm nhẹ đi, thôi thì, âm thầm về nhà tự sửa đi vậy.

Phần kế tiếp của cuộc đối thoại này, Ngài Duy Ma Cật tuôn ra ... cơ man là chữ với nghĩa. Chỉ là vấn đề phát Bồ Đề tâm thôi – mà Ngài lại đưa ra cả một “hệ thống” “hiệu ứng đô mi nô” để làm choáng ngợp thiên hạ. Tại sao gọi đó là hiệu ứng ? Bởi lẽ đương nhiên, khi đã đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (Bồ Đề) thì sẽ là : *diệt các tướng ; ly các duyên ; bỏ các kiến chấp ; lìa các vọng tưởng* v.v... (Cách nói đảo). Sau khi phát Bồ Đề tâm rồi, lấy gì, bằng cách nào, tu tập ra sao để : *diệt các tướng ; ly các duyên ; bỏ các kiến chấp ; lìa các vọng tưởng* ... ? Không có lấy gì ; không có bằng cách nào ; không thể vẽ ra con đường tu tập ra sao để : *diệt các tướng ; ly các duyên ; bỏ các kiến chấp ; lìa các vọng tưởng* ... Không pháp là vì vậy (không pháp chuyên biệt).

Thế nhưng – vẫn cứ hỏi – bằng cách nào *diệt các tướng ; ly các duyên ; bỏ các kiến chấp ; lìa các vọng tưởng* v.v... ?

Trả lời: đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vậy, làm thế nào đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ?

Giữ chặt, giữ đầy đủ, giữ trọn vẹn *hanh Bồ Tát* . Vì sao ? Vì đó cũng là pháp Phật (xem chú giải kinh: “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”).

Sính nói chữ, phô trương chữ nghĩa – đưa triết lý Phật vào chốn rối rắm, tù mù – chỉ nhằm vào cái *Ngã*, vào lợi ích riêng mà không thấy lợi ích chúng sanh ... là những vấn đề “nhức đầu” khác không phải chỉ là của giới Thanh Văn – còn thể hiện của cả giới Bồ Tát – mà các Tổ *rất thâm trầm, rất tinh tế* muốn đề cập .

Đơn giản, trong sáng – nhưng tuyệt đối không được hạ thấp, không được “tâm thường hóa”, làm méo mó, biến dạng tư tưởng Phật là thách thức nặng nề còn ở phía trước mặt ...

Bồ Tát Di Lặc, sau khi đọc “kịch bản” của Ngài Duy Ma Cật, thị hiện, trầm ngâm, chấp tay sau lưng, bỏ đi vài ba bước, rồi bất chợt dừng lại, ngoái đầu, nói với Ngài Duy Ma Cật rằng: “Giáo hóa chúng sanh ở cõi ta bà là công việc không phải dễ dàng gì !”.

2. Đối thoại giữa Ngài Duy Ma Cật với Đồng Tử Quang Nghiêm về Đạo Tràn (pháp Phật)

Nếu bỗng dưng có ai hỏi Pháp Phật là cái gì ? Liệu rằng có lúng túng không ? Có lẽ nhiều người không ít nhiều sẽ phải lúng túng trước câu hỏi quá đơn giản này. Một câu hỏi hết sức giản đơn sao lại phải lúng túng ? Bởi, không biết phải bắt đầu từ đâu ? Và, cách thức trả lời như thế nào ? Bắt đầu từ Tứ Diệu Đế ư ? Nếu là Tứ Diệu đế, thì phải là Khổ đế. Nếu là Khổ đế thì ... mở lời như thế nào về một người mới quen, và người ấy lại hỏi ngay ở giữa đường ?! Lúng túng là vì vậy. Lúng túng bởi sự sơ cứng, bởi cái *Ngã* của mình – muốn áp đặt cho người đặt câu hỏi, cũng là bởi chưa đủ sức nhìn ra căn duyên của người hỏi.

Và, ở đây là cái *Ngã* khoe chữ, khoe kiến thức lượm lặt được của Ngài Duy Ma Cật.

Khi Đồng Tử Quang Nghiêm (một cậu bé) gặp Ngài Duy Ma Cật, ngả đầu chào và hỏi Ngài “từ đâu đến” (hoặc tương tự câu chào hỏi: Chào cụ , cụ đi đâu về ạ ?). Ngài Duy Ma Cật trả lời: từ pháp Phật đến (về). Và hoàn toàn ở thế chủ động, không lúng túng chút nào, Ngài làm một thôi một hỏi về pháp Phật – khiến “thằng bé” phát hoảng, đâm sợ.

Đúng là chỉ có tình huống kịch mới xảy ra như thế. Trên thực tế, nếu Ngài Duy Ma Cật thể hiện như thế thật thì ... thật là ... chẳng tự nhiên chút nào !

Nếu biết được một người nào đó đang đi đến cửa chùa cầu xin cho chuyện làm ăn của mình – và “chẳng may” người đó lại hỏi đúng câu đơn giản nhất: pháp Phật là gì ? Câu trả lời duy nhất sẽ phải là: TIỀN. Phật pháp, đó là: tiền. Chỉ có câu trả lời như vậy mới khiến người hỏi tròn xoe mắt, căng hết lỗ tai để nghe thuyết: tiền và pháp Phật là thế nào. Và sau khi nghe một cách thuyết phục, người hỏi ấy đã ghi chặt được hai chữ Phật pháp – không thể có gì xóa nhòa vào trong tâm mình. Mầm Phật pháp mọc lên tươi xanh từ đó ...

Muôn ngàn pháp Phật chỉ là một. Vì một không phải là một nên là muôn ngàn pháp (đã trình bày, xin xem chú dẫn kinh đã dẫn). Khi nói TIỀN là Phật pháp thì đó là Phật Pháp. Khi nói : HẠNH PHÚC là Phật Pháp thì đó là Phật Pháp. Bất cứ điều gì con người cần, bất cứ điều gì con người ước mơ, bất cứ điều gì con người khát vọng ... trừ điều bất thiện – đều được đáp ứng theo sở nguyện – từ những pháp của Phật.

Bốn mươi chín năm *hoằng pháp* đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã BIẾT, đã THẤY những điều con người cần, những điều con người ước mơ, những điều con người khát vọng .

Vì là pháp dành cho chúng sanh, của chúng sanh – nên các pháp phải thỏa mãn bất cứ điều gì con người ước mơ, bất cứ điều gì con người khát vọng, bất cứ điều gì con người cần (hẵn nhiên, nhắc lại: ngoài những điều thuộc bất thiện). Vì mỗi người mỗi trình độ, mỗi hoàn cảnh khác nhau ... Rồi mỗi thời kỳ, mỗi thời đại, nền văn minh khác nhau ... Muôn pháp Phật là một, một, không phải một, nên thành muôn vàn, muôn vạn pháp.

Ngài Duy Ma Cật đang ngồi suy nghĩ, tính toán ra thêm một mớ pháp nữa, Đông Tử Quang Nghiêm thị hiện, xà đến, ghé đầu xem, nhăn mũi ... khiến Ngài Duy Ma Cật mắt húng, đành gấp bản thảo, đi ngủ vậy.

3. Đối thoại giữa Ngài Duy Ma Cật với Bồ Tát Trì Thế về sự kiện Ma Ba Tuần

Từ đầu kinh đến giờ, đây là đoạn có nhiều tính kịch – và có lẽ “mọi người” đều vui vẻ về tính “siêu việt” của Ngài Duy Ma Cật. Việc “hạ bệ” Bồ Tát Trì Thế đến mức Ngài không nhận ra Ma Ba Tuần – sẽ như thế nào, hỏi sau sẽ rõ, giờ đây xem xét sự kiện khá đặc biệt này:

Thoạt tiên, khi thấy Bồ Tát Trì Thế từ chối hàng ngàn “người đẹp” như thế, câu từ chối chưa dứt lời, Ngài Duy Ma Cật đã vội nhận lấy hết cho mình ! Có lẽ, bất cứ ai khi đọc đến đây đều thấy ở nơi Ngài Duy Ma Cật nói riêng – và giới Bồ Tát nói chung – có “cái gì đấy” xem chừng chẳng được “nho nhã, thanh tao” – như giới Thanh Văn, Bích Chi hằng có. Và mọi người “nín thở” xem Ngài Duy Ma Cật xử lý thế nào ?!

Cuối cùng, cho dù ai đó có thể là không có cảm tình với cái nhà ông Duy Ma Cật, cũng nhẹ nhõm thở phào và không thể không khâm phục về pháp “*Vô tận đấng*”. Các chị dầu ở cung ma mà dùng Pháp môn “*Vô Tận Đấng*” này làm cho vô số Thiên nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là báo ơn Phật, cũng là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh” (xin đọc tác phẩm kinh).

Bồ Tát Trì Thế khi đọc đến đây, không thị hiện, chỉ dung mật âm, gọi đến Ngài Duy Ma Cật tiếng: “Hừm”.

4. Đối thoại giữa Ngài Duy Ma Cật với Trưởng giả tử Thiện Đức về Bồ Thí.

Bồ Thí là một phần hệ trọng trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”. Bộ kinh này đã dành nhiều câu kinh để đề cập rất sâu về việc Bồ Thí .

Ở đây, các Tổ đưa vấn đề này vào cuối phẩm Bồ Tát – bởi Bồ Thí cũng là hạnh của Bồ Tát.

Về tính chất chung, Pháp Thí là quan trọng, và Pháp Thí gặt hái được Phước đức là “không sao kể xiết” ; Tâm thí – mang lại Phước đức lớn khi phát tâm thực hành tu theo các pháp Phật ; với đa phần chúng sanh, Tài Thí là phổ biến. Trong phần cuối của phẩm này cho thấy có cả một “hội đại thí” (chính xác là : một đợt tài thí bảy ngày cho rất nhiều đối tượng – tuy nhiên ở đây không mô tả chi tiết là tài thí những thứ gì – ngoại trừ tài thí cho Ngài Duy Ma Cật). Từ một hội đại Tài thí, Ngài Duy Ma Cật khuyên nên làm hội Pháp thí (những điều Ngài Duy Ma Cật khuyên bao hàm cả Pháp thí lẫn Tâm thí).

Về Lý luận chung, đức Thế Tôn đã dạy rất rõ trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”: Bồ Tát khi Bồ Thí “*không dựa vào đâu*”: “*không dựa vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*” – thì phước đức nhiều như “*hư không*” vậy. Cho nên, Ngài Duy Ma Cật kết thúc vấn đề Bồ thí bằng một câu có thể xem là một hình thức mẫu mực là: “*Nếu người thí chủ dùng tâm bình đẳng thí cho một người ăn xin rất hèn hạ xem cũng như tướng phước điền của Như Lai, không phân biệt, lòng đại bi bình đẳng, không cầu quả báo, đó gọi là đầy đủ pháp thí vậy*”.

Trưởng giả tử Thiện Đức đọc đến đây, phải nhờ đến chính Ngài Duy Ma Cật mới thị hiện được. Khi thị hiện xong, chạy đến trước mặt Ngài Duy Ma Cật vỗ tay khen: “Hay, hay !”. Ngài Duy Ma Cật quay mặt đi, tùm tùm cười.

V. PHẨM VĂN THÙ SƯ LỢI

Sau mười đại đề tử và bốn vị Bồ Tát – trong đó có cả Bồ Tát Di Lặc – đều thoái thác việc đi thăm bệnh Ngài Duy Ma Cật (vì sợ ông ta lại “lên lớp” cho một bài giảng dặc chữ nghĩa nữa thì chỉ có choáng và “chết vì xấu hổ”) – điều mà người đọc chờ đợi mãi cuối cùng cũng đã tới: có người “dám” “đương đầu trực diện” với Ngài Duy Ma Cật: Ngài Văn Thù Sư Lợi.

Hẳn nhiên, đây là sự kiện làm rúng động trong giới tu sĩ. “*Tức thời, tám nghìn Bồ Tát, năm trăm Thanh Văn và trăm nghìn Thiên nhơn đều muốn đi theo*”.

Ngoài trên nghìn Bồ Tát và Thanh Văn – còn có đến hàng nghìn người thuộc cõi trời tháp tùng Ngài Văn Thù Sư Lợi (số người cõi trời “đăng ký” “đặt chỗ” trước tham dự sự kiện này là cả trăm ngàn người).

Tất cả đều chờ đợi một cuộc đấu nảy lửa về lý luận giữa hai bậc đại sư: Văn Thù Sư Lợi và Duy Ma Cật.

Đây là việc làm rất khó của các Tổ – bởi, những gì được gọi là thâm sâu của hệ tư tưởng Thích Ca Mâu Ni đều đã được thể hiện trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” và một số những kinh khác trước đó.

Chỉ với phương tiện là lời thoại – buộc các Tổ phải chọn cách thức xây dựng cuộc “đổi đầu” về “học thuật” này theo chiều hướng “làm mới” cách nói, cách diễn đạt – về những vấn đề đã được “đào sâu”, đã được đề cập quá cận kề trước đó. Nhờ nỗ lực này, những **kiến giải** về các vấn đề của triết lý Phật được mở rộng: vừa thiết thực, cụ thể và cũng là rất phong phú.

Vì đây là cuộc gặp gỡ “vô cùng đặc biệt” nên bối cảnh cũng phải ... hết sức đặc biệt, đó là: cả một gian nhà trống hoác, chỉ duy nhất là cái giường để “người bệnh” (Duy Ma Cật) nằm.

Và, ngay khi vừa chạm mặt, triết lý thâm sâu vào bậc nhất của triết lý Phật – được Ngài Duy Ma Cật “tung ra” để “phủ đầu”:

- *Quý hóa thay ! Ngài Văn Thù Sư Lợi mới đến ! Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy.*

Rõ ràng, *Tánh không* ở đây được Ngài Duy Ma Cật đưa ra rất tự nhiên, rất hợp lý – và điều quan trọng là: ngay lập tức cho Ngài Văn Thù Sư Lợi thấy được “đẳng cấp” về : sự THẤY tánh không của mình.

Ngài Văn Thù Sư Lợi chẳng lấy làm ngạc nhiên, bởi trước đó, Ngài đã thưa với đức Phật về Ngài Duy Ma Cật, đó là người: “*thần thông tự tại và trí tuệ phương tiện đều đặn rớt ráo*”.

Và cũng ngay lập tức, Ngài Văn Thù Sư Lợi – dùng triết lý lẽ không để đáp trả:
- *Phải đấy, Cư sĩ ! Nếu đã đến tức là không đến, nếu đã đi tức là không đi. Vì sao ? - Đến không từ đâu đến, đi không đến nơi đâu, hề có thấy tức là không thấy.*

Nếu như ở trên, Ngài Duy Ma Cật mới chỉ đề cập về *Thực tướng của Tánh Không* thì sự đáp trả của Ngài Văn Thù Sư Lợi là về thuộc tính của *tánh không*, đó là: *không sanh, không diệt, không đến, không đi ...* (bởi đi cũng là đến, đến cũng là đi – không có nghĩa xơ cứng). Và, một khi sự THẤY về thực tướng của tánh không, thì không (cần) thấy tướng giả tạm (mà làm gì).

Cuộc đấu về *tánh không*, mào đầu như thế là đủ – thực ra, cũng chỉ cần như vậy thôi, chỉ cần như vậy thôi – là đủ kết luận: “kẻ tám lạng, người nửa cân” – hai bên như vậy là: hòa ; là *không cao không thấp*. Và, từ đây trở về sau, cho dù Ngài Duy Ma Cật có độc thoại – cũng là lẽ tự nhiên. Có nghĩa, vai trò của ngài Văn Thù Sư Lợi – trong kịch bản này, từ thời điểm này trở đi, chỉ còn là nhân vật phụ, mang tính “đưa đẩy” cho Ngài Duy Ma Cật “diễn”.

Nên chú ý rằng, đoạn kế tiếp là đoạn đối đáp về sự CÓ và sự KHÔNG – không phải là về *tánh không*. Chính những “kiểu xây dựng” này mới giúp thể hiện được về tính cách “siêu” thông thái của Ngài Duy Ma Cật.

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi :

- Cư sĩ ? Nhà này vì sao trống không và không có thị giả ?

Ông Duy Ma Cật đáp :

- Cõi nước của chư Phật cũng đều không.

- Lấy gì làm không ?

- Lấy không làm không.

Nếu như nói: *Lấy không làm không* tức là CÓ. Lần ngược trở lại câu trước, sẽ là: *Cõi nước của chư Phật đều CÓ.*

- Đã không, cần gì phải không ?

- Vì không phân biệt, nên không.

- Không, có thể phân biệt được ư ?

- Phân biệt cũng không.

- Không, phải tìm nơi đâu ?

Lần này, lại thoát chuyển sang chủ đề mới: *phân biệt*. Có hay không đều do sự phân biệt mà ra – một khi còn phân biệt, đó là giả dối, không có thật. *Không còn phân biệt, đối đãi* – là điều mà Ngài Duy Ma Cật muốn đề cập. *Không còn phân biệt, đối đãi* – đó là điều rất mực hệ trọng trong triết lý Phật.

Tuy nhiên, phải nên nhớ rằng: *Không còn phân biệt, đối đãi* – đó là hệ quả ; là đã chứng đắc rồi ! Bởi, chẳng có cái pháp chuyên biệt nào giúp cho tu luyện để *không còn phân biệt, đối đãi*. Cho nên tìm cái KHÔNG ấy ở đâu ? Suy cho cùng, đó lại là đạt quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Làm sao để đạt quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? (Đã đề cập). Ở đây, Ngài Duy Ma Cật dùng cách nói khác – nhưng, cho dù cách nói nào đi chăng nữa – thì, chung quy phải là: nương nhờ vào pháp Phật.

Khi tiếp cận bộ kinh Duy Ma, cần chú ý đến “mô túyp”: D: là hệ quả của C ; C: là hệ quả của B ; B là hệ quả của A. Nếu chọn A là *chứng đắc* – để có A, cần có các pháp Phật.

Rất mệt ! Phải nói rằng, Ngài Duy Ma Cật đã quay “đôi thủ” của mình (thực ra là người đọc) như chong chóng vậy.

Bệnh của Ngài *trương trạng* thế nào ? (Câu hỏi bình thường là: bệnh của Ngài thế nào ?), và thế là Ngài Duy Ma Cật trả lời một thôi một hồi ... Tuy nhiên, phải thấy rằng: quan niệm về chúng sanh của Bồ Tát thể hiện rất rõ quan niệm về chúng sanh của đức Phật: tất cả là của chúng sanh, vì chúng sanh (sau này các vị vua, các nhà lãnh đạo hay nói: do dân, vì dân ...). Ngài Duy Ma Cật nói riêng, giới Bồ Tát nói chung, đã cho rằng: “*Vì chúng sanh bịnh nên tôi có bịnh*”. Có thể chọn câu nói này của Ngài Duy Ma Cật làm câu nói kinh điển.

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi :

- Cư sĩ ! Bồ Tát có bịnh phải điều phục tâm mình như thế nào ?

Đây là câu hỏi rất thiết thực.

Thực ra, để trả lời câu hỏi này, nếu lấy “Tâm kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa” để trích dẫn thì rất ngắn gọn: thân giả tạm, nên bệnh cũng giả tạm.

Rồi quay về “Tứ Diệu Đế”, thấy bệnh, hiển nhiên là khổ – muốn diệt vĩnh viễn cái khổ này – phải là *đạo*.

Rồi phải vui vẻ (cần răng để vui vẻ) chấp nhận mọi thứ đau khổ khác do cái khổ của bệnh tật gây nên – vì *“ta nay bệnh đây đều từ các món phiền não, điên đảo vọng tưởng đời trước sanh ra”*.

Thế thôi ! Song, với Ngài Duy Ma Cật thì phải khác: phải là tràng giang đại hải ... đủ mọi khía cạnh, góc độ: lúc thì *cận*, lúc thì *toàn* (cận cảnh, toàn cảnh). Và đang là *điều phục tâm* về bệnh thì ... phóc, nhảy sang đề tài khác, mới toanh: *sự trói buộc, ràng buộc* tâm mình.

Ngài Duy Ma Cật lý luận:

“Lại không có phương tiện huệ thì buộc, có phương tiện huệ thì giải, không huệ phương tiện thì buộc, có huệ phương tiện thì giải”.

Huệ, đó là trí tuệ sáng suốt – đó là trí tuệ Ba La Mật Đa. Cũng là hệ quả của đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi chưa chứng đắc được đạo quả cao tốt này, “huệ” là sự nương nhờ huệ sẵn có của Phật. Câu nói của Ngài Duy Ma Cật là:

Vì không có được phương tiện trí tuệ Ba La Mật nên (Bồ Tát thường hay bị) buộc (chặt vào đủ thứ chấp) ; Vì có được phương tiện trí tuệ Ba La Mật nên (Bồ Tát đã) bỏ (được mọi thứ chấp).

Vì không xem trí tuệ Ba La Mật là phương tiện (cứ giữ chặt cái phương tiện ấy nên) buộc – nên xem trí tuệ Ba La Mật là phương tiện (không còn giữ chặt cái phương tiện ấy nên) bỏ (được mọi thứ chấp).

Sự đúc kết của Ngài Duy Ma Cật cần nên ghi nhớ:

Dù thân có bệnh vẫn ở trong sanh tử làm lợi ích chúng sanh không nhàm mỏi, đó là “phương tiện”. Lại nữa quán thân : thân không rời bệnh, bệnh chẳng rời thân, bệnh này, thân này, không phải mới, không phải cũ, đó là “huệ”.

Và sự phát triển ý sau đây là rất tài tình:

- Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Bồ Tát có bệnh nên điều phục tâm mình như thế, mà không trụ trong đó, cũng không trụ nơi tâm không điều phục. Vì sao? Nếu trụ nơi tâm không điều phục là pháp của phàm phu, nếu trụ nơi tâm điều phục là pháp của Thanh Văn, cho nên Bồ Tát không nên trụ nơi tâm điều phục hay không điều phục, lìa hai pháp ấy là hạnh Bồ Tát.

Nếu như trụ (định ninh, yên tâm) nơi tâm đã điều phục hay không điều phục đều là không được – bởi tất cả đều là *vô thường, vô ngã*. Tâm đã điều phục, nhưng có thể, thoát đây, đã không còn điều phục nữa rồi !

Toàn bộ phần còn lại, Ngài Duy Ma Cật ra sức nói về *hạnh* Bồ Tát. Hạnh Bồ Tát là những gì quan trọng nhất mà một Bồ Tát có được. Một Bồ Tát thuyết

pháp cho chúng sanh mà Hạnh Bồ Tát chỉ như lá lúa – thì chẳng thể cất tiếng “sư tử rống” oai nghiêm. Một Bồ Tát ngồi đạo tràng mà Hạnh Bồ Tát chỉ như hạt đậu thì đạo tràng chưa thể đến gang tay ... Thành Phật hay không thành Phật đều do Hạnh Bồ Tát đến đâu. Đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hay không đều do Hạnh Bồ Tát thế nào. Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”, đức Thế Tôn đã đặt kỳ vọng rất lớn vào lực lượng Bồ Tát – đây là lực lượng trọng yếu phát triển sự nghiệp giáo hóa chúng sanh. Sự kỳ vọng này chắc chắn hay công chên chính là lực lượng Bồ Tát giữ gìn phẩm hạnh của mình đến đâu và như thế nào. Chính *hạnh Bồ Tát* đã giúp Phật pháp *không đoạn diệt bao giờ* – cho dù pháp Phật là không thể không tận diệt (xem chú giải kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba Mật Đa”).

Hạnh Bồ Tát là vấn đề vô cùng thiết yếu và quan trọng, cho nên – đừng bao giờ “lớn tiếng” nói pháp này, pháp kia – khi mà *hạnh* chưa tròn đầy. Bởi, Hạnh Bồ Tát chính là pháp Phật.

Hạnh Bồ Tát là vấn đề vô cùng thiết yếu và quan trọng, cho nên trong bộ kinh Duy Ma này không thể nào không đề cập đến.

Nếu như *hạnh* Bồ Tát được biết đến như một số điều: *Giữ giới, Tinh tấn, Nhẫn nhục, Bố thí, Thiên định, Trí tuệ* (dành cho Bồ Tát tu tại gia) – thì với cung cách (cũng là tính cách) trình bày của Ngài Duy Ma Cật, ở đây là cả ... một “cuốn tự điển” về *hạnh* của Bồ Tát (không biết có ai nhớ nổi không nữa ! Xin xem tác phẩm kinh).

VI. PHẨM BÁT TƯ NGHỊ

Vào phẩm này, Ngài Duy Ma Cật lại “lên lớp” Ngài Xá Lợi Phất về *tánh không* của mọi sự vật hiện tượng – trong đó có con người. Hầu như cả bộ “Tâm kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa” lại được lập lại ở đây.

Phải xin nhắc lại, chữ (từ) Pháp ở trong kinh Phật – được sử dụng quá nhiều nghĩa, lúc là: phương pháp, cách thức ; lúc là vạn vật ; lúc là mọi sự vật và hiện tượng ... Cho nên trong một đoạn ngắn, nếu sử dụng một từ pháp với đa nghĩa, lúc đó sẽ như một “ma trận” vậy.

Trong đoạn này, một khái niệm khác nữa về pháp (phương pháp) cần chú ý: “*Pháp là vô vi, nếu làm hữu vi là cầu hữu vi không phải cầu pháp*”.

Ý của Ngài Duy Ma Cật là: khái niệm pháp mà Ngài nói là pháp *Vô Vi*, các pháp *Hữu Vi* không phải là pháp (mà Ngài đã nói).

Pháp (phương pháp) có gì mà cầu (xin) ? Một khi đã cầu (xin) thì ai cho ? Cho cái gì ? Lấy gì nắm bắt ? Nắm bắt thế nào ? Đức Như Lai đã nói: Pháp Phật như chiếc bè, dụng xong là phải vất bỏ. Vứt bỏ rồi, pháp không còn – khi đó

còn cái gì ? Cái *chất* mới . Cái *chất* mới ấy cầu (xin) mà được chẳng ? Ý của Ngài Duy Ma Cật là thế.

“Bất khả Tư Nghị Giải Thoát”, có nghĩa: cứu cánh giải thoát – không có gì còn phải băn khoăn nghi ngại gì nữa ! Và, (nói các vấn đề ở trên) cứu cánh giải thoát, không thể cầu (xin) mà được. Phải buông bỏ tất cả. Tất cả đều không, *không nhân giới cho đến không ý thức giới (...)* không khổ, tập, diệt, đạo (...)
cho đến không trí tuệ, không chứng đắc. Không còn thứ gì để bầu vịu. *Y Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm không ngăn ngại (...)* đạt đến cứu cánh Niết Bàn. Khi đó: Bất khả Tư Nghị Giải Thoát.

Toàn bộ khúc đạo đầu của phẩm này mà Ngài Duy Ma Cật muốn giới thiệu là như thế.

Tất cả phần còn lại là nỗ lực chưa từng có ; cố gắng chưa từng có – nhằm giới thiệu: thế giới của sau sự giải thoát (cứu cánh Niết Bàn) – thế giới nhiệm màu tưởng chừng như là hoang đường, tưởng chừng như là thần thoại. Sự thật, thế giới của Vô Vi, là thế giới của những gì thuộc vô hạn – của những gì thuộc về tuyệt đối. Đó là thế giới – mà những ai cho dù có sức tưởng tượng phong phú vào bậc nhất – cũng không thể hình dung ra hết được. Thế giới sau cứu cánh Niết Bàn – đó là thế giới của con người – với *chất* mới, đó là *chất siêu người* – hay thường gọi là *chất Phật*. Đó là một cung bậc mới. Cung bậc của một cấp cao – mà sự cảm nhận của một cấp thấp hơn (con người) là không thể.

Hãy xem cách thức mà Ngài Duy Ma Cật nỗ lực giới thiệu về thế giới này:

Nếu như chỉ là lời nói suông thì sẽ chẳng ai tin – vì vậy, trước khi vào chuyện, Ngài Duy Ma Cật phải dụng đến phép thần thông để mọi người được chiêm nghiệm thực tế: *Tức thời đức Phật ở cõi nước kia (Tu Di Đảnh) điều khiển ba vạn hai nghìn tòa Sư tử cao rộng nghiêm sạch đến trong nhà ông Duy Ma Cật*”. Khi mọi người đã “ngất ngưỡng” yên vị trên tòa sư tử cao vợi. Trong một cõi tráng lệ chưa từng thấy như thế, hẳn nhiên, khi Ngài Duy Ma Cật nói về thế giới sau cứu cánh Niết Bàn, không có bất kỳ ai còn điều gì băn khoăn nghi ngại. Đó là thế giới của các *nguyên lý, các định luật ...* hoàn toàn “bất thường” – đến mức như là điều giả tưởng vậy:

“*Nếu Bồ Tát trụ nơi pháp giải thoát đó, lấy núi Tu Di rộng lớn nhét vào trong hột cải vẫn không thêm bớt, hình núi Tu Di vẫn y nguyên, mà trời Tứ Thiên vương và Đạo Lợi thiên vương không hay không biết đã vào đấy, chỉ có những người đáng độ được mới thấy núi Tú Di vào trong hột cải, đó là Pháp môn “bất khả tư nghị giải thoát”.* Lại lấy nước bốn biển lớn cho vào trong lỗ chun lông, không có khuấy động các loài thủy tộc như cá trạnh, ngoan đà(8), mà các biển lớn kia cũng vẫn y nguyên. Các loài rồng, quỷ thần, A Tu La v.v... đều không hay không biết mình đi vào đấy, và các loài ấy cũng không có loạn động.

Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất ? Bồ Tát ở nơi Pháp bất khả tư nghị giải thoát, rút lấy cỡi tam thiên đại thiên thế giới nhanh như bàn tròn của thợ gốm, rồi để trong bàn tay hữu quăng ra ngoài khỏi những thế giới như số cát sông Hằng, mà chúng sanh trong đó không hay không biết mình có đi đâu, lại đem trở về chỗ cũ, mà người không biết có qua có lại, và thế giới ấy cũng vẫn y nguyên.

Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất ? Hoặc có chúng sanh nào ưa ở lâu trong đời mà có thể độ được. Bồ Tát liền kéo dài bảy ngày ra làm một kiếp (7) để cho chúng sanh kia gọi là một kiếp; hoặc có chúng sanh nào không ưa ở lâu trong đời mà có thể độ được, Bồ Tát liền thu ngắn một kiếp lại làm bảy ngày, để cho chúng sanh kia gọi là bảy ngày.

Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất ! Bồ Tát trụ nơi pháp bất khả tư nghị giải thoát, đem những việc tốt đẹp của tất cả cỡi Phật gom về một nước chỉ bày cho chúng sanh. Lại nữa, Bồ Tát đem tất cả chúng sanh ở tất cả cỡi Phật để trên bàn tay hữu của mình rồi bay đến mười phương bày ra cho ai cũng thấy tất cả mà bản xứ không lay động. – Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất ! Những đồ cúng dường chư Phật của chúng sanh trong mười phương, Bồ Tát làm cho tất cả đều thấy nơi một lỗ chơn lông. Lại nữa, bao nhiêu nhưt nguyệt, tinh tú trong các cỡi nước ở mười phương, Bồ Tát đều làm cho mọi người thấy rõ nơi một lỗ chơn lông.

Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất ! Bao nhiêu thứ gió ở các cỡi nước trong mười phương, Bồ Tát có thể hút vào trong miệng mà thân không hề tổn hại, những cây cối ở bên ngoài cũng không xiêu, ngã, trốc, gãy. Lại khi kiếp lửa cháy tan cỡi nước ở mười phương, Bồ Tát đem tất cả lửa để vào trong bụng, lửa cũng vẫn y nguyên mà không chút gì làm hại. Lại quá số cát sông Hằng thế giới Phật về phương dưới, lấy một cỡi Phật đem để cách khỏi số cát sông Hằng thế giới ở phương trên như cầm mũi kim nhọn ghim lấy một lá táo mà không có tổn hại.

Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất ! Bồ Tát trụ cảnh “bất khả tư nghị giải thoát” hay dùng thần thông hiện làm thân Phật hoặc hiện thân Bích Chi Phật, thân Thanh Văn, thân Đệ Thích, thân Phạm Vương, thân Thế chúa(8), hoặc thân Chuyển luân thánh vương. Các thứ tiếng to, tiếng vừa; tiếng nhỏ ở các cỡi nước mười phương đều biến thành tiếng Phật diễn nói pháp vô thường, khổ, không, vô ngã và những pháp của chư Phật ở mười phương nói ra làm cho khắp tất cả đều được nghe.

Ngài Xá Lợi Phất ! Nay tôi chỉ nói qua thần lực giải thoát bất khả tư nghị của Bồ Tát như thế, nếu nói cho đủ đến cùng kiếp cũng không hết được”.

Cũng may là Ngài Duy Ma Cật tuôn ra chỉ đến thế, nếu không, sẽ phải đọc chỗ này đến thâu đêm suốt sáng. Tuy Nhiên, những gì Ngài Duy Ma Cật gán cho hàng Thanh Văn là hơi quá.

Ngài Xá Lợi Phất, Ngài Đại Ca Diếp, sau khi đọc xong, định tìm Ngài Duy Ma Cật “chỉnh” cho một trận – song lần này, Ngài Duy Ma Cật đã dùng đến phép tàng hình, không sao gặp được (thế mới là bực !).

VII. PHẨM QUÁN CHÚNG SANH

Mở đầu của phẩm này Ngài Duy Ma Cật nói về pháp quán chúng sanh một cách rõ ràng, đầy đủ, mạch lạc và ... hay.

Bản thân mình đã là giả dối thì chúng sanh sao thật được ! Tất cả đều là *huyễn*, như *trăng dưới nước*, như *mặt trong gương*, như *ánh nắng đọng*, như *vang của tiếng*, như *mây giữa hư không* ...

Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” đức Phật cũng đã nói với đại ý: kỳ thực, chẳng có chúng sanh nào cho Ngài *độ* cả. Vì sao ? Ngài *độ* cho chiếc bóng sao ? Các Bồ Tát cũng vậy, không khéo *độ* vào chỗ *huyễn hoặc*.

Nếu không *độ* được cho chúng sanh như vậy thì thực hành lòng từ bi ra sao ? Đó là câu hỏi của Ngài Văn Thù Sư Lợi dành cho Ngài Duy Ma Cật.

Cũng vẫn phải là tính cách nói dài, nói dai, đầy chữ nghĩa, thế nhưng nói gì thì nói, cuối cùng vẫn là **thực hành giữ hạnh Bồ Tát**. Trong *hạnh* Bồ Tát của pháp Phật hàm chứa đầy đủ ý nghĩa: vì mình và vì người (chúng sanh). Bồ Tát thực hành pháp Bồ Thí – bằng phương tiện gì mang lại hiệu quả lớn lao nhất nếu không phải là *pháp thí* ? Giúp cho chúng sanh hiểu về pháp Pháp đó là *độ* chúng sanh rồi – và sự *độ* ấy mới thật sự gọi là *độ*. Việc ban phát, ban ơn sao gọi là *độ* ?

Trong phần “Tâm và Tâm linh”, có trích dẫn lời của một cô nhà báo: chỉ cần tiếp xúc với Bồ Tát thôi (Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ mười bốn – người Tây Tạng), đã thấy an vui rồi. *Hạnh* của Bồ Tát một khi sáng ngời là như thế. Một khi *hạnh của* Bồ Tát ngời ngời, chỉ một câu nói của Bồ Tát thôi, làm thức tỉnh bao người. Ý nghĩa về hóa độ chúng sanh khi ấy lớn lao biết dường nào ! Cho nên, Bồ Tát, điều trước tiên sao không nghĩ đến mình ?

Trong phẩm này, Ngài Duy Ma Cật đã có những diễn giải về *Từ*, *Bi*, *Hỷ*, *Xả* rất hay :

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi :

- Sao gọi là lòng bi ?
- Bồ Tát làm công đức gì cốt để cho chúng sanh.
- Sao gọi là lòng hỷ ?
- Có lợi ích đều hoan hỷ, không hối hận.
- Sao gọi là lòng xả ?
- Những phước báu đã làm, không có lòng hy vọng.

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- *Bồ Tát muốn y sức công đức của Như Lai, phải trụ nơi đâu ?*

Sau “một thôi một hồi, Ngài Duy Ma Cật kết luận: “*Gốc không trụ mà lập tất cả pháp*”.

Đức Như Lai đã nói: Pháp của Ngài (pháp Phật) như chiếc bèo, dụng xong là phải vớt bỏ. Bồ Tát phải biết bỏ tất cả những gì đã dụng xong. Ví như, ngay bài viết này đây, khi viết xong, khi đã không còn gì để sửa chữa, chỉ còn là cái “xác”, cái “bã”, cứ khur khur ôm chặt, “say sưa” với nó phỏng có ích gì ?!

Trong kinh Duy Ma, có lẽ đây là phẩm thú vị. Thú vị bởi sự xuất hiện của một phụ nữ – cho dù “thân phận” vẫn chưa thể là cái gì “cao, sang” – vẫn chỉ là cô gái làm công việc rất nhỏ nhặt: rải hoa – “phục vụ” cho các đấng “mày râu”, song, những gì cô để lại là cả một ấn tượng mạnh mẽ, khiến không thể không suy nghĩ sâu hơn về những vấn đề liên quan đến giới tính.

Ngài Duy Ma Cật thừa biết rằng, tất cả những gì liên quan đến phụ nữ – cho dù vụ việc chỉ bằng cái đầu kim – song, cái đầu kim ấy, nếu không khéo, để nó chọc vào mắt thì ... mù – nên lần này Ngài Duy Ma Cật rất cẩn trọng, đã hỏi ý kiến Ngài Xá Lợi Phất, đại diện cho thập đại đệ tử đức Phật, rằng: ngài có chịu nổi một cô gái trẻ, đẹp, hết sức thông minh, rất mực tài hoa ... chưa nói hết ý, Ngài Xá Lợi Phất đã xua xua tay – ra chiều: muốn làm gì đó thì làm ... vì vậy, đây cũng là lần đầu tiên, kể từ lúc thực hiện tác phẩm, trong lòng Ngài Duy Ma Cật rất lấy làm hoan hỷ ...

Những cánh hoa trời thơm ngát, mịn màng, rục rờ bay bay ... Lại, cứ đến những đại đệ tử đức Phật thì ... chẳng cánh hoa nào chịu rơi xuống đất. Tất cả đậu trên đầu tóc, mắt, mũi, tai ... không sao phui được ...

Khi Ngài Xá Lợi Phất đang loay hoay, tiếng cô gái thỏ thẻ kể bên:

- *Tự sao mà phui hoa ?*

Ngài Xá Lợi Phất nói :

- *Hoa này không như pháp nên phui.*

(Đọc đến đây, không ai là không thương Ngài Xá Lợi Phất)

Thoắt, cô gái – không còn là cô gái ... “chẳng biết gì”:

- *Chớ bảo hoa này là không như pháp. Vì sao ? Hoa này nó không có phân biệt, tự Nhân giả phân biệt đó thôi ! Nếu người xuất gia ở trong Phật pháp có phân biệt là không như pháp, nếu không phân biệt là như pháp. Đấy, xem các vị Bồ Tát, hoa có dính đâu ? Vì đã đoạn hết tướng phân biệt. Ví như người lúc hội họp sợ, thời phi nhơn mới thừa cơ hại đặng. Như thế, các vị Đại đệ tử vì sợ sanh tử nên sắc thính, hương, vị, xúc mới thừa cơ được, còn người đã lìa được*

sự sợ sệt thì tất cả năm món dục không làm chi đặng. Do tập khí kiết sử chưa dứt hết nên hoa mới mắc nơi thân thôi, còn người kiết tập hết rồi, hoa không mắc được.

Tính cách “xôi xả” như “mưa rào” là tính cách của Ngài Duy Ma Cật (có lẽ cô gái thường xuyên tiếp xúc Ngài Duy Ma Cật nên bị nhiễm).

Đừng tưởng rằng khi các Tổ kết cấu đoạn này nhằm để mua vui. Lòng các Tổ khi đó đau như cắt – và, đến bây giờ vết đau ấy vẫn chưa nguôi – không những đến bây giờ vết đau ấy vẫn chưa nguôi – mà xem chừng còn đau hơn – một cách dữ dội.

Đừng tưởng rằng khi các Tổ kết cấu đoạn này nhằm hạ bệ, bôi xấu thập đại đệ tử đức Thế Tôn. Thập đại đệ tử đức Thế Tôn tự nguyện: phải là những người chịu trách nhiệm gánh vác về những điều không hay trong giới của mình.

Đó là “những con sâu làm rầu nồi canh” ! Đó là điều không thể tránh được – thậm chí, đó là điều hiển nhiên – hiển nhiên như pháp Phật không thể không đến ngày tận diệt (pháp Phật không thể không đến ngày tận diệt nhưng cũng không *đoạn diệt* bao giờ).

Một trong những thành trì kiên cố mà Bồ Tát phải phá bỏ: đó là cái *Ngã* của mình. Sự suy nghĩ chủ quan của mình, cứ đinh ninh rằng đó là “chân lý”. Mọi ý kiến nào hơi khác đi một chút là cảm thấy khó chịu rồi. Nếu như có được quyền hành tập trung trong tay, tất cả những ai có ý kiến mang tính “phản biện” đều bị chém bay đầu.

Thế giới của *Vô Vi* với sự hiểu, sự thấy, sự nhận biết khác xa lắm – không như “cái kiến” đặt trên miệng chén, bò quanh ...

Trở lại kinh. Quả cô gái ở trong kinh Duy Ma này là cô gái trí tuệ – với những đối đáp làm cho Ngài Xá Lợi Phất có lúc như là “xiềng niềng”. Hình tượng cô gái được xây dựng trong bộ kinh này, cách đây khoảng hai ngàn năm, có lẽ là hình tượng rất mới, rất cách tân, rất hiện đại – của lúc bấy giờ . Triết lý Phật đã dạy về sự bình đẳng tuyệt đối trên nhiều phương diện – thì ở đây, đã đề cập đến sự bình đẳng nam – nữ một cách tuyệt đẹp. Và, có lẽ, đây là một trong những tiếng nói đầu tiên của giới nữ về sự bình quyền của mình .

Ngài Xá Lợi Phất nói :

- *Thiên nữ ở nhà này đã được bao lâu ?*
- *Tôi ở nhà này như Ngài được giải thoát.*
- *Ở đây đã lâu ư ?*
- *Ngài giải thoát cũng lâu như thế nào ?*

Ngài Xá Lợi Phát nín lặng không đáp.

Nhẹ nhàng, thông minh và đầy trí tuệ. Không khí đối thoại ở đây là không khí của hiện đại – vượt thời gian ngàn năm.

Thiên nữ nói :

- Tại sao bực kỳ cự đại trí lại nín lặng ?

- Giải thoát không có ngôn thuyết, nên ở nơi đó ta không biết nói làm sao !

Đến đây, cô gái thể hiện trí tuệ lấp lánh của mình :

- Ngôn thuyết vẫn tự đều là tướng giải thoát. Vì sao ? Vì giải thoát không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên, vẫn tự cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên. Thế nên, Ngài Xá Lợi Phát, chớ rời vẫn tự mà nói giải thoát. Vì sao ? Vì tất cả pháp là tướng giải thoát.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi :

- Không cần ly dâm, nộ, si, được giải thoát ư ?

Thiên nữ nói :

- Phật vì kẻ tăng thượng mạn nói ly dâm, nộ, si là giải thoát thôi, nếu kẻ không tăng thượng mạn thời Phật nói tánh của dâm nộ, si là giải thoát.

Giải thoát ở đây là đã chứng đắc – không (còn) mê đắm, không (còn) bị ràng buộc, không (còn) bị lệ thuộc. Văn tự (câu chữ) khi nói, viết: *giải thoát* – thì có nghĩa là giải thoát . Không thể rời văn tự ấy được – một khi cần đề cập đến vấn đề giải thoát ; mặt khác, “chiếc áo không thể làm nên một thầy tu”, văn tự cũng chỉ là văn tự. Tham, sân, si sẽ cũng chỉ là văn tự: tham, sân, si – nếu như chẳng có gì là mê đắm, ràng buộc, lệ thuộc. Bản thân tự tánh tham, sân, si – chẳng (thể nào) cột chặt ai nên tự nó cũng là giải thoát vậy.

Thông minh đến thế, vì vậy mà Ngài Xá Lợi Phát phải nức nở, trầm trồ:

- Hay thay, hay thay !

Ngài Xá Lợi Phát hỏi:

- Thiên nữ ! Nàng được cái gì, chứng cái gì mà biện tài như thế ?

Thiên nữ nói :

- Tôi không được, không chứng, mới được biện tài như thế. Vì sao ? - Nếu có được, có chứng thời ở trong Phật pháp là kẻ tăng thượng mạn.

Ngoài ra, điều đáng quý ở cô gái (thiên nữ) này là tính *Trực tâm* như thế.

Hình tượng của *Thiên nữ* được thể hiện như thế thôi, những gì sau đó là Ngài Duy Ma Cật giả dạng.

Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”, đức Thế Tôn đã nói rất rõ: sự nghiệp giáo hóa chúng sanh được giao cho các Bồ Tát – đó không phải là ý chủ quan của Như Lai. Bởi, Như Lai không có gì để “thuyết”. Việc đi ngược lại tiến trình phát triển tự nhiên – đều bị chính “bánh xe” của quá trình phát triển tự nhiên ấy đè bẹp. Giả như sự nghiệp giáo hóa chúng sanh được giao cho các

Bích Chi Phật – thì ai đó sẽ thay Ngài Duy Ma Cật – và, cũng vẫn phải là thập đại đệ tử đức Phật gánh vác chịu trách nhiệm về tất cả những gì sai trái của giới mình.

Là hậu bối, nay được đọc những câu kinh của các Tổ để lại đã là phước đức không sao kể xiết được. Tất cả những câu chữ không để cột chặt vào thân. Chỉ thấy ánh sáng Tam Bảo – đó cũng lại là thêm một lần phước đức nữa vậy.

Trong phẩm này trích một câu nói của đức Phật với đại ý là: *vạn vật không phải đàn ông, không phải đàn bà*. Vậy trung tính chăng ? Không phải như vậy, để trở thành đàn ông hay đàn bà là *duyên hợp* (hội đủ các điều kiện nhất định), đừng có phân biệt, tất cả như huyễn – đời này là đàn ông, (có thể) đời sau đã là đàn bà.

Trong phẩm này, có một triết lý về sanh tử rất hay, khi Thiên nữ trả lời ngài Xá Lợi Phật:

Ngài Xá Lợi Phật hỏi Thiên nữ :

- Nàng ở nơi đây chết rồi sẽ sanh nơi đâu ?

Thiên nữ đáp :

- Phật hóa sanh thế nào, tôi cũng hóa sanh thế ấy.

Ngài Xá Lợi Phật nói :

- Phật hóa sanh không phải chết rồi mới sanh.

Thiên nữ nói :

- Chúng sanh cũng thế, không phải chết rồi mới sanh.

Vì vô minh nên cho rằng: *chết rồi mới sanh*.

Sự thật “hãi hùng” là: ngay khi còn đang thở, còn đang ăn uống bí tử no say, còn đang vui đùa hớn hở kia ... đã (chọn cho mình nơi) sanh rồi ! Đó, có thể là cõi súc sanh, hoặc cõi địa ngục đang chờ đón thêm một “con người”.

Vì vô minh nên những điều răn dạy của đức Thế Tôn mới để ngoài tai. Vì vô minh nên nước mắt mới nhiều hơn nước của tất cả đại dương là vậy.

Khi nào chúng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác ? Lấy gì để làm căn cứ (xứ sở) ?

Bồ Đề không có căn cứ (xứ sở) nên không thể biết khi nào.

Ngài Xá Lợi Phật nói :

- Hiện nay các Phật chứng Bồ Đề Vô Thượng (A nậu đa la tam miệu tam bồ đề), các Phật đã chứng, sẽ chứng nhiều như số cát sông Hằng thời gọi là gì ?

Thiên nữ đáp :

- Đấy là theo số mục văn tự ở đời mà nói có 3 đời, chứ không phải nói Bồ Đề có quá khứ, vị lai và hiện tại.

- Thưa Ngài Xá Lợi Phất ! Ngài đặng đạo A la hán u ?

Đáp : Không có đặng mà đặng.

Thiên nữ nói :

Các Phật, Bồ Tát cũng như thế, không đặng mà đặng.

Để hiểu rõ thêm, xin tham khảo chú giải kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” – phần các đạo quả.

VIII. PHẨM PHẬT ĐẠO

Mở đầu phẩm này, vừa mới nghe sơ qua hay vừa đọc lướt qua, không thể không giật mình. Có lẽ đó cũng là một trong những điều hấp dẫn, lý thú của bộ kinh Duy Ma Cật.

Bấy giờ Ngài văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật rằng :

- Bồ Tát thế nào là thông đạt Phật đạo ?

- Bồ Tát thật hành phi đạo (trái đạo) là thông đạt Phật đạo.

- Lại hỏi : Thế nào là Bồ Tát thật hành Phi đạo ?

- Nếu Bồ Tát gây năm tội vô gián mà không buồn giận, đến ở trong địa ngục mà không có tội cấu; đến trong loài súc sanh mà không có những lỗi vô minh kiêu mạn (...)

Trong Tứ Diệu Đế, mở đầu là Khổ đế, mở đầu của khổ đế là vô minh. Vì vô minh mà mới ra đủ thứ sự khổ ; cũng vì vô minh nên mới sa vào những con đường dữ (địa ngục, súc sanh). Sự khổ chồng chất khổ. Muốn hết sự khổ thì phải xóa được vô minh. Muốn xóa vô minh phải tu thành Phật. Nôm na là thế. Sau khi đã thành Phật, làm điều phi đạo để lại được vào cõi súc sanh, để lại bị sa vào địa ngục ... đó là cái lý của Ngài Duy Ma Cật nói riêng, của giới Bồ Tát nói chung về việc thông đạt Phật đạo.

Nếu như vì vô minh mà sa vào chốn dữ là quá khổ. Vậy, nếu như vì vô vô minh mà sa vào chốn dữ có khổ không ? Câu trả lời hẳn nhiên là sự khổ không còn như tính chất vô minh mà ra, bởi khi đó đã là ý thức tự nguyện.

Hạnh Bồ Tát một khi tròn đầy thì lớn đến như vậy. Vì vậy, sự nghiệp giáo hóa chúng sanh – nặng nề, khó khăn ... không thể không giao cho giới Bồ Tát.

Vì sự nghiệp giáo hóa chúng sanh, Bồ Tát lấy chúng sanh làm cội phật của mình !

Vì sự nghiệp giáo hóa chúng sanh, Bồ Tát lấy súc sanh làm cội phật của mình !

Vì sự nghiệp giáo hóa chúng sanh, Bồ Tát lấy địa ngục làm cội phật của mình !

Hơn ai hết, Bồ Tát thấu hiểu đến tận cùng nỗi đau, nỗi thống khổ của chúng sanh là vậy

Đại từ ! Đại đại từ ! Đại bi ! Đại đại bi !

“Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ? Nếu Bồ Tát làm được những việc trái đạo như thế, đây là thông suốt Phật đạo”.

Ngài Duy Ma Cật vừa nói vừa lau cái trán vã mồ hôi của mình. Chưa kịp thở, Ngài Duy Ma Cật đã hỏi vặn ngay Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng :

- Thế nào là hạt giống Như Lai ?

Không vừa gì, thoát tiên, Ngài Văn Thù Sư Lợi cũng làm cho người nghe, người đọc giật hết cả mình:

- Có thân là hạt giống; vô minh có ái là giống; tham, sân, si là giống; 4 món điên đảo là giống; 5 món che ngăn là giống; 6 nhập là giống ; 7 chỗ thức là giống; 8 pháp tà là giống; 9 món não là giống; 10 điều bất thiện là giống; nói tóm lại 62 món tà kiến và tất cả phiền não đều là giống Phật cả.

Song, những gì Ngài giải thích là rõ ràng, tách bạch:

- Nếu người thấy vô vi mà vào chánh vị (Niết bàn) thời không thể còn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nữa. Ví như chỗ gò cao không thể sinh hoa sen, mà nơi bùn lầy thấp ướt mới có hoa sen. Như thế, người thấy vô vi, vào chánh vị không còn sanh trong Phật pháp được, mà ở trong bùn lầy phiền não mới có chúng sinh nghĩ đến Phật pháp mà thôi. Lại như gieo hạt giống trên hư không thì không sinh được, ở đất phân bùn mới tốt tươi được. Như thế, người đã vào vô vi chánh vị không sanh được trong Phật pháp, kẻ khởi ngã kiến như núi Tu Di còn có thể phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà sinh trong Phật pháp. Cho nên phải biết tất cả phiền não là giống Như Lai. Ví như không xuống bể cả, không thể dựng bảo châu vô giá, cũng như không vào biển cả phiền não thời làm sao mà có ngọc báu “nhứt thiết trí”.

Sau đó Ngài Đại Ca Diếp khen Ngài Văn Thù Sư Lợi song kỳ thực là thừa nhận một số những yếu kém về giới Thanh Văn của mình.

Cuối phẩm này, như một cái cờ để đưa ra bài kệ (có lẽ đây là hình thức cổ vô cùng độc đáo – tựa như đồng giao, xưa kia giúp người đọc dễ nhớ, dễ thuộc – tuy nhiên, có thể rằng: ẩn chứa bên trong những bài kệ, thông thường, là sức

mạnh “Phật lực” vô song, đầy bí ẩn mà con người chưa thể cảm nhận và khám phá ra hết được).

Bài kệ đã ca ngợi những phẩm hạnh Bồ Tát và một số những pháp Phật – tựa như người thân ruột thịt trong một nhà, tựa như những phương tiện thiết yếu, gần gũi mà đời người không thể thiếu được.

IX. PHÂM VÀO “PHÁP MÔN KHÔNG HAI”

Chân lý thì chỉ có một, chẳng thể nào là hai. Cho nên, cuối cùng, đích đến, tức cứu cánh sẽ phải là một – không thể khác.

Hữu Vi và Vô Vi, cuối cùng phải là một, không thể khác. Vậy, (cứu cánh) cuối cùng là Vô Vi hay Hữu Vi ? Vì sao ?

Cứu cánh – sự tột cùng, duy nhất là Vô Vi – bởi, hữu hạn thuộc (nằm trong) vô hạn. Đó là điều hiển nhiên, là lẽ tự nhiên – cho dù có Phật hay không có Phật.

Cho nên, chọn con đường Hữu Vi là chọn con đường vòng, chọn con đường xa tít mù một cách cực kỳ phi lý – để cuối cùng cũng phải về đích: chỉ và chỉ một cái đích duy nhất, không hai.

Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” có bài kệ ngắn, bốn câu, song đó là bài kệ vô cùng hệ trọng:

Tất cả pháp Hữu Vi

Như mộng huyễn bào ảnh

Như sương như chớp lờ

Hãy quán chiếu như thế

Tất cả pháp Hữu Vi – đều phải chịu một thử thách khốc liệt nhất: đó là thời gian. Liệu rằng, pháp Hữu Vi nào thắng được thời gian ? Sẽ chẳng có pháp Hữu Vi nào đi qua được thời gian – bởi, tính hữu hạn của Hữu Vi (đã phân tích, lý giải trong kinh “ Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”) – và, còn bởi thời gian thuộc vô hạn. Chính cái vô hạn kia sẽ nuốt chửng cái hữu hạn. Vì vậy, các pháp Hữu Vi tồn tại trong cái vô hạn là bao lâu ? Vài chục năm, vài trăm năm, vài ngàn năm, vài chục ngàn, vài trăm ngàn năm hay vài triệu năm ... với chỉ chừng ấy thời gian (thôi sao) ? Chỉ chừng ấy thời gian, tất cả đều như ánh chớp lờ. Tất cả đều như giọt sương chờ ánh dương lên vậy.

Triết lý của phẩm này đặt hết trong chữ VÀO (**nhận biết, ngộ**).

Còn đứng “ở ngoài” (chưa ngộ) thì còn thấy hai – “vào” trong, chỉ còn một. Chỉ khi đã nhận thức chắc chắn về Vô vi, thì khi ấy Hữu vi mới thật sự chỉ còn là “ánh chớp lờ”.

Bồ Tát Châu Đảnh Vương nói :

- “Chánh đạo”, “tà đạo” là hai, ở chánh đạo thời không phân biệt thế nào là Tà, thế nào là Chánh, là hai môn phân biệt đó là vào Pháp môn không hai.

Có nghĩa: đang ở (vào) **chánh đạo** thì còn phân biệt chánh, tà để làm gì ?! Tức, vị thế đã là chánh đạo, đã chọn chánh đạo – thì tà đạo chỉ là điều đứng dung (như không có).

Những người bước “vào” tà đạo, Hữu Vi – thì khi ấy, với họ, chánh đạo, Vô Vi cũng là thứ đứng dung – thậm chí cho rằng: người đi ngược lý tưởng với họ (thei Vô vi) mới là vô lý.

Như vậy, khi còn mang cái lý ra để phân biệt – thì lúc ấy vẫn chỉ là “đứng ngoài”, chưa ngộ. Chỉ khi nào “*vào được bên trong*” thì khi đó “mặt đối lập” của nó mới trở thành vô nghĩa. Ví như sanh-diệt là hai, chỉ khi *Vào được* (nhận biết, ngộ ra) *tánh không* thì khi đó chỉ còn một: không sanh, không diệt v.v..

Sự ngộ, không thể dùng văn tự mà diễn đạt, nói thay được. Tựa như việc uống trà, chỉ người nhấp ngụm trà mới hiểu rõ hương vị của nó là thế nào.

Vì vậy, hàng loạt người liệt kê hàng loạt cái lý về Pháp môn không hai –riêng Ngài Duy Ma Cật là im lặng.

Sự im lặng của Ngài Duy Ma Cật lại được Ngài Văn Thù Sư Lợi khen hay:

Hay thay ! Cho đến không có văn tự ngữ ngôn, đó mới thật là vào pháp môn không hai (vậy).

X.PHẨM PHẬT HƯƠNG TÍCH

Ở phẩm này, câu chuyện là mạch thẳng, tất cả đều rõ ràng, dễ hiểu. Lần đầu tiên, Ngài Duy Ma Cật bị Ngài Văn Thù Sư Lợi “chỉnh” ngay tại chỗ: “*Chớ nên khinh người chưa học*”. Đây là câu nói của đức Phật. Ngài Duy Ma Cật mấy lần định dùng phép thần thông của mình xóa đoạn này đi nhưng không được. Vì vậy, chớ nên nghĩ rằng Ngài Duy Ma Cật đã là “đỉnh” (top).

Câu chuyện của phẩm này kể về một cõi Phật – mà tất cả đều quá u là tốt, đẹp – đến mức, Phật Hương Tích phải dẫn chín triệu Bồ Tát Chúng Hương khi đến thăm quan cõi ta bà rằng:

- *Được, nên đi. Nhưng phải giữ thân hương của các ông, chớ để cho chúng sanh cõi kia sanh tâm mê đắm, và phải bỏ hình thể cũ của các ông, chớ để những người cầu đạo Bồ Tát ở nước kia phải tự hổ thẹn.*

Tuy nhiên, cho dù các cõi Phật là tốt, là đẹp như vậy – song, với Ngài Duy Ma Cật nói riêng, giới Bồ Tát nói chung, vẫn tha thiết với cái cõi “nhơ nhớp bùn lầy” này:

Mà Bồ Tát ở cõi này lợi ích cho chúng sanh trong một đời còn hơn trăm nghìn kiếp tu hành ở cõi nước khác. Vì sao ? Vì cõi Ta bà này có mười điều lành mà các Tịnh độ khác không có. Thế nào là mười ? 1) Dùng bố thí để nhiếp độ kẻ nghèo nàn; 2) Dùng tịnh giới để nhiếp độ người phá giới; 3) Dùng nhẫn nhục để nhiếp độ kẻ giận dữ; 4) Dùng tinh tấn để nhiếp độ kẻ giải đãi; 5) Dùng thiền định để nhiếp độ kẻ loạn ý; 6) Dùng trí tuệ để nhiếp độ kẻ ngu si; 7) Nói pháp trừ nạn để độ kẻ bị tám nạn; 8) Dùng pháp đại thừa để độ kẻ ưa pháp tiểu thừa; 9) Dùng các pháp lành để cứu tế người không đức; 10) Thường dùng tứ nhiếp để thành tựu chúng sanh.

Đây rõ là quan điểm, là lý tưởng – và cũng là tuyên ngôn của giới Bồ Tát. Khi vẫn còn chúng sanh – với nghĩa: mê lầm, đau khổ – thì: luôn luôn, bao giờ cũng có Bồ Tát kề bên – để giáo hóa, để xoa dịu, để cũng gánh nạn. Chúng sanh xảy ra chiến tranh, Bồ Tát cũng phải nhảy vào trong lửa đạn:

Vào kiếp có đao binh,

Duyên khởi lòng từ bi,

Giáo hóa cho chúng sanh,

Tâm đừng còn tranh đấu. (Phẩm Phật Đạo)

Bồ Tát không bao giờ thoát ly khỏi đời sống của chúng sanh. Vì vậy, giá trị hương thơm của cõi Phật Hương Tích – liệu rằng như thế nào nếu như phải so sánh – với giá trị ngan ngát của hoa sen ?! Cho nên: Ngài Duy Ma Cật mới nói rằng: “*Bồ Tát ở cõi này lợi ích cho chúng sanh trong một đời còn hơn trăm nghìn kiếp tu hành ở cõi nước khác*”.

Triết lý Phật – thông qua giới Bồ Tát mà thể hiện lấp lánh hơn, đó là: triết lý vì nhân sinh (chúng sanh) và của nhân sinh.

- *Bồ Tát phải thành tựu mấy pháp ở nơi cõi này làm không làm lỗi, được sanh về cõi Tịnh độ ?*

Ngài Duy Ma Cật trả lời:

- *Bồ Tát thành tựu 8 pháp thời ở cõi này làm không làm lỗi, được sanh về cõi Tịnh độ – Tám pháp là gì ? 1.- Lợi ích chúng sanh mà không mong báo đáp. 2.- Thay thế tất cả chúng sanh chịu mọi điều khổ não. 3.- Bao nhiêu công đức mình*

làm đều ban cho tất cả chúng sanh. 4.- Lòng bình đẳng đối với chúng sanh khiêm nhường không ngại, đối với Bồ Tát xem như Phật. 5.- Những kinh chưa nghe, nghe không nghi. 6.- Không chống trái với hàng Thanh Văn. 7.- Thấy người được cúng dường cũng không tật đố, không khoe những lợi lộc của mình, ở nơi đó mà điều phục tâm mình. 8.- Thường xét lỗi mình, không nói đến lỗi của người, hằng nhứt tâm cầu các công đức.

Đó là phẩm chất cao quý chẳng thể còn phẩm chất nào cao quý hơn nữa được như vậy (sao còn nặng lòng, buồn phiền cái Ngài “bồ bã” Duy Ma Cật ấy làm gì !)

XI. PHẨM HẠNH BỒ TÁT

Từ đầu kinh Duy Ma đến phẩm này, đã nói rất nhiều, đã đề cập hầu như đủ mọi góc độ, đủ mọi khía cạnh về hạnh Bồ Tát – vậy mà đến đây, lại dành nguyên cả một phẩm về hạnh Bồ Tát ! Điều đó cho thấy Hạnh (phẩm chất) là điều thiết yếu, sống còn – không những đối với giới Bồ Tát – mà đó còn là tất cả sự nghiệp giáo hóa chúng sanh của đức Thế Tôn kỳ vọng và ủy thác (cho giới Bồ Tát).

Hạnh của Bồ Tát một khi tròn đầy thì: *“Biển sâu còn có thể dò được, chớ thiên định, trí tuệ, tổng trì, biện tài, tất cả công đức của Bồ Tát không thể đo lường được”*.

Chỉ có thể với Hạnh Bồ Tát như vậy – mới đảm đương nổi công việc vĩ đại, trọng trách nặng nề: giáo hóa chúng sanh ở cõi nhân gian này.

Với những phẩm khác – cho dù với tên gọi khác, song việc đề cập đến Hạnh Bồ Tát lại rất cụ thể, rõ ràng – vậy mà, ở phẩm này, ở phẩm với tên gọi rất rõ ràng và rất cụ thể: phẩm Bồ Tát – lại chẳng thấy đã động, không thấy đi sâu, và cũng chẳng chút phân tích gì gọi là: *Giữ giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Bố thí, Thiên định, Trí tuệ...*

Thế, là thế nào ?

Vào đầu phẩm này, ở phần “giao đãi” cho thấy: những cõi Phật khác dùng một pháp chuyên biệt để giáo hóa chúng sanh và để tu tập (như cõi Phật Chúng Hương chỉ dùng pháp duy nhất là hương, có cõi lấy 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp làm pháp duy nhất ...) – thì với cõi nhân gian này, nếu chỉ dùng một pháp chuyên biệt – là không thể. Bởi, chúng sanh ở cõi Ta Bà này có đến ... *“Tám muôn bốn nghìn phiền não mà chúng sanh phải bị nhọc nhằn mỗi một”*. Vì vậy, pháp dùng cho cõi Ta Bà này phải là muôn nghìn *“pháp môn của tất cả chư Phật”*.

Muôn nghìn pháp Phật nhưng cũng chỉ là một: không cao không thấp: *“đủ các pháp Phật, thấy đều đồng đẳng”*. Một, không phải là một nên là muôn nghìn

pháp – trong muôn nghìn pháp, mỗi pháp đều là chuyên biệt – nên pháp Phật, không có gì gọi là chuyên biệt (tham khảo thêm chú giải kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”).

Sau phần “giao đãi” (mở màn, giới thiệu ...), là phần chính yếu của phẩm với tên gọi: Phẩm Hạnh Bồ Tát.

Chẳng thấy chút bóng dáng của những gì “quen thuộc” là Hạnh Bồ Tát !

Ấy vậy mà đó lại là *Hạnh* trên tất cả những gì gọi là Hạnh Bồ Tát !

Bởi, không rõ, không vững, không dứt khoát điều này – cả một khối đồ sộ – gọi là Hạnh Bồ Tát kia sẽ sụp đổ tan tành, đó là: **tận – hay không tận** (Hữu Vi).

Mệnh đề này cụ thể là: **Hữu Vi hay không Hữu Vi**

Nếu chỉ với một chút may mắn là Hữu Vi – thì cả cơ đồ xây dựng Hạnh Bồ Tát sẽ thành sương, thành khói.

Một khi đã là Hữu vi thì muôn đời, muôn kiếp vẫn là tử-sanh ; nằm trong hữu hạn ; vẫn là thuộc về tương đối.

Như đã đề cập, đó là con đường vòng – xa tít mù khơi – đó là cách chọn cực kỳ vô lý và hoang phí.

Một khi **không Hữu Vi** tức là Vô Vi.

Đã Vô Vi thì còn trụ cái gì ? Trụ vào đâu – khi tất cả đều *vô thường, vô ngã* ?

Đã Vô Vi thì phải biết: tất cả đều là KHÔNG. *Trí tuệ, chứng đắc* cũng không. Hai thứ vật báu ấy một khi đã là không, thì những thứ “giẻ rách” khác, quan tâm, báu víu làm gì ?!

Không, nhưng chẳng phải là không – thì Bồ Tát còn gì nữa đâu phải bản khoản nghi ngại ? (Tham khảo thêm chú giải kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”).

Trong Phẩm này, cho dù là những gì đức Thế Tôn nói – song dấu ấn (cung cách nói) vẫn mang nặng “hoi hướm” của Ngài Duy Ma Cật.

Được sự góp ý, và là liên quan đến sự truyền đạt của đức Thế Tôn nên Ngài Duy Ma Cật phải ngày đêm ngồi sửa đi sửa lại ... mãi, vẫn chẳng xong ... Đức Thế Tôn nhủ lòng thương, mật ý: “Thôi, thế cũng được rồi”. Nghe câu ấy, Ngài

Duy Ma Cật như bắt được vàng, luống cuống thế nào, cả một xấp bản thảo rơi khỏi tay, bay trong gió... Ngài Duy Ma Cật chẳng còn nhớ gì đến phép thần thông, cứ phải nhảy lung tung, chộp từng tờ giấy, như bắt bướm ... Các Thiên nữ thấy vậy, chạy xúm xít, vừa giúp Ngài Duy Ma Cật một tay, vừa liếc mắt nhìn ... và khi bắt gặp gương mặt tua tủa râu (vài ngày không cắt), cứ hước hước ngược về phía trước ... các Thiên nữ phải cố cắn chặt răng vào môi để mà nhịn cười. Vì cố nhịn cười, nên thỉnh thoảng mới vỡ ra vài âm thanh hi hí. Oái oăm, chính những âm thanh hi hí này càng khiến các Thiên nữ “lộn ruột” hơn, cuối cùng, không thể nào còn nín nhịn được nữa, âm thanh vỡ òa ra, trở thành những tràng rũ rượi ... Ngài Duy Ma Cật chẳng hiểu ắt giáp gì ... cũng nhếch mép cười. Oái oăm, chính những cái nhếch mép ngờ nghệch này khiến các Thiên nữ đang rũ rượi lại càng phải cười thêm rũ rượi.

XII. PHẪM THẤY PHẬT A SÚC

Mở đầu của phẩm này là vấn đề có lẽ thời đại nào cũng gặp phải: quán Phật như thế nào? Trên thực tế, rất nhiều người cố gắng (quán) để thấy Phật. Và, không ít người nỗ lực tìm Như Lai qua những gì tốt đẹp nhất.

Song, đây lại là việc làm mang tính tà đạo.

Hãy mượn kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” để hiểu rõ hơn vấn đề này:

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có nên quán tưởng Như Lai qua ba mươi hai tướng không?"

Tu Bồ Đề nói: "Thưa vâng, thưa vâng, phải dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Đức Phật nói: "Nếu nói lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai thì một vị Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao?"

Tu Bồ Đề nói: "Thế Tôn, con hiểu lời Phật dạy rồi, không nên dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Lúc bấy giờ Thế Tôn nói lên bài kệ này:

Tìm ta qua hình sắc

Cầu ta qua âm thanh

Là kẻ hành tà đạo

Không thể thấy Như Lai.

Ở đây cho thấy: Ngay cả Ngài Tu Bồ Đề cũng lúng túng khi đức Phật hỏi về vấn đề này – cho thấy, đây là vấn đề tưởng đơn giản hóa ra lại là vấn đề thường hay vấp phải của nhiều người.

Ở trên có bài kệ ngắn bốn câu, song đó là một trong hai bài kệ hệ trọng trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”. Ấn chứa đằng sau hai bài kệ này là những gì hết sức bí ẩn – mà con người chưa thể hiểu hết và nắm bắt được. Vì vậy, trong các buổi tụng kinh, nên dành ra ít phút để niệm chú hai bài kinh này.

Trong bộ kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” diễn đạt: *"Nơi nào có tướng là nơi đó còn có sự lờng gạt. Nếu thấy được tính cách không tướng của các tướng tức là thấy được Như Lai."*

Và cũng trong bộ kinh này, đức Thế Tôn đã lưu ý:

Tu Bồ Đề, thầy đừng nghĩ rằng Như Lai đạt tới vô thượng chánh đẳng chánh giác mà không cần tới các tướng một cách đầy đủ. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế.

Có nghĩa: đức Như Lai có thể thị hiện với bất kỳ một tướng đầy đủ nào đó, một khi Ngài cần.

Cho nên, vấn đề quan trọng và thiết yếu: “Tìm” Như Lai để làm gì ? Nếu thực sự muốn thấy được Như Lai, hãy tìm ngay trong bản thân mình – vì Như Lai – cũng y như vậy:

- Ông muốn thấy Như Lai thì lấy chi quán sát ?

Ông Duy Ma Cật thưa :

- Như con quán thật tướng của thân, quán Phật cũng thế.

Muốn quán thân thì như lời dạy của Ngài Duy Ma Cật:

“Không quán sắc, không quán sắc như, không quán sắc tánh; không quán thọ, tướng, hành, thức, không quán thức như, không quán thức tánh; không phải từ đại sinh, cũng như hư không; sáu nhập không tích tập, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm đã vượt qua” v.v...

Phẩm này có ba phần, phần đầu như trên, phần kế tiếp nhằm giới thiệu “thân thế, sự nghiệp” Ngài Duy Ma Cật: hóa ra Ngài đã là Phật, ở nước Diệu Hỷ, Phật hiệu Bất Động. Điều này khiến Ngài Xá Lợi Phất hết sức ngạc nhiên :

- Chưa từng có vậy, Bạch Thế Tôn ? Người này chịu bỏ cõi thanh tịnh mà thích đến chỗ nhiều oán hại !

Ngài Duy Ma Cật bỏ chốn thanh tịnh nơi cõi Phật, đến với cõi Ta bà này là: *“để hóa độ chúng sanh, để cốt dứt trừ phiền não đen tối của chúng sanh”* (nói trừ phiền não được rồi, thêm hai chữ đen tối vào, cho nặng nề ...).

Rất nhiều người muốn nhìn thấy cõi nước Diệu Hỷ, Ngài Duy Ma Cật đã dùng phép thần thông mang cả cõi Phật ấy về cõi nước Ta Bà, sau khi xem xong, có mười bốn triệu *“người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều nguyện sanh sang cõi nước Diệu Hỷ. Phật Thích Ca Mâu Ni liền thọ ký cho rằng : “Sẽ đặng sanh sang nước đó”*.

Phần cuối cùng của phẩm này, đề cập đến phước đức của người thọ, trì đọc, tụng ... bộ kinh Duy Ma:

“Nếu có người tay cầm được kinh điển này thì đã được kho tàng Pháp bảo. Nếu có người đọc tụng giải thích nghĩa lý kinh này, đúng như lời nói tu hành thời được chư Phật hộ niệm. Nếu có ai cúng dường người như thế, tức là cúng dường chư Phật. Nếu có người nào biên chép thọ trì kinh này, chính là trong nhà người đó có Như Lai. Nếu người nghe kinh này mà tùy hỷ thời người đó sẽ được đến bậc “Nhứt thiết trí”. Nếu người tin hiểu kinh này cho đến một bài kệ bốn câu rồi giải nói cho người khác nghe, phải biết người đó được thọ ký quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”.

XIII. PHẨM PHÁP CÚNG DƯỜNG

Nếu theo lời của Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn (trời Đế Thích) thì bộ kinh này tên đầy đủ theo lẽ phải là: "Bất khả tư nghị tự tại thần thông quyết định thật tướng". Ở Việt Nam đã quen gọi bộ kinh này là Duy Ma Cật, hoặc gọi tắt là Duy Ma.

Như vậy, nếu theo Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn thì “điểm nhấn” của bộ kinh này là quán Như Lai – cũng có nghĩa quán *tự tại thần thông quyết định thật tướng* – tức quán về tánh KHÔNG. Thực tướng của Như Lai cũng như bản thân (Bồ Tát) là KHÔNG (có nghĩa chỉ là hào quang – ánh sáng vi tế – chiếu sáng rực rỡ). Tìm Như Lai là tìm thực tướng của bản thân mình, vì vậy có câu nói rất hay thường dùng là: Phật tại tâm.

Với Như Lai, *đừng nghĩ rằng Như Lai đạt tới vô thượng chánh đẳng chánh giác mà không cần tới các tướng một cách đầy đủ*. Như Lai, có lúc phải cần đến thật tướng đầy đủ – khi đó Ngài có thể “khoác” bất kỳ một thực tướng nào – nếu cần. Bởi vậy, việc tìm ta (Như Lai) qua hình bóng là kẻ hành tà đạo. Gọi việc tìm Như Lai qua hình bóng là tà đạo bởi đó là sự tiếp xúc với giới Hữu Vi. Đó là Ma giả Phật.

Cho nên, Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nói rằng: *“tin hiểu, thọ, trì đọc, tụng thì quyết được pháp này không nghi, hướng chí đúng như lời nói mà tu hành, thời người đó ngăn biết các nẻo ác, mở cửa lành, thường được chư Phật hộ niệm, hàng phục ngoại đạo, dẹp trừ ma oán, tu đạo Bồ Đề, an ở nơi đạo tràng, noi theo dấu vết thật hành của Như Lai”.*

Có lẽ đây là việc làm tựa như công việc tham mưu (với đức Phật) vậy. Có nghĩa: một người nào đó “xướng” ra về những phước đức mang lại khi ai đó *tin hiểu, thọ, trì đọc, tụng* một kinh nào đó – trước đức Như Lai – và Như Lai hoan

hỷ chấp nhận – thì “phật lực” sẽ được bí truyền vào những câu kinh – theo một “mật định” nào đó mà con người chưa thể hiểu và nắm bắt hết được. Tùy vào niềm tin ; sự trang nghiêm (thanh tịnh) ; sự tinh tấn (không biếng nhác) ... mà người *tin hiểu, thọ, trì đọc, tụng* nhận được “Phật lực” (cũng là phước đức) như thế nào. Với những ai còn mang nặng những nghiệp xấu, sự chuyển hóa chắc chắn là sẽ có xảy ra – song, đó là sự chuyển hóa không phải dễ dàng. Vì vậy, càng mang nặng những nghiệp xấu – càng phải có được niềm tin lớn, càng phải tinh tấn ... để thắng được cái “nghiệp lực” xấu cũng đang ra sức trì kéo ngược trở lại phía sau (đã lý giải trong phần “Tâm và Tâm linh”).

Đức Phật nói:

- Hay thay! Hay thay! Thiên đế! Như lời ông nói, ta sẽ giúp cho ông được vui thêm. Kinh này rộng nói đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác bất khả tư nghị của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì thế Thiên Đế! Nếu có gã thiện nam, người thiện nữ thọ trì, đọc tụng, cúng dường kinh pháp này, thời chính là cúng dường Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai vậy.

Đây vừa là sự giải thích, mở rộng – vừa là sự chấp nhận những điều Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn (tham mưu) trình bày.

Việc một người cúng dường cho rất, rất, và rất nhiều các chư Phật (nhiều như mía, tre, lau, lúa, mè, rừng bụi) ở khắp cõi tam thiên đại thiên – cũng không bằng người nghe kinh điển “*Bất khả tư nghị giải thoát*” này *tin, hiểu, thọ, trì đọc, tụng, tu hành*. Vì sao? - *Quả Bồ Đề của chư Phật đều từ kinh này sanh ra, tướng Bồ Đề không có hạn lượng, do nhân duyên đó nên phước đức cũng không có hạn lượng.*

Trong kinh đưa ra dẫn dụ trường hợp của *Nguyệt Cái, con của vua Bảo Cái. Vua Bảo Cái có nghìn người con, cúng dường các chư Phật đã hết năm tiểu kiếp rồi (cúng dường tám mươi bốn triệu năm mà chưa thành Phật), đang bán khoán thì trên hư không, có vị trời nói rằng: “Thiện nam tử! Pháp cúng dường là hơn hết các việc cúng dường” – từ đó Ngài thực hành tu tập theo Phật pháp mà đạt đạo quả, thành Phật, hóa độ cho rất nhiều chúng sanh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau này, vua Bảo Cái. Cũng thành Phật, hiệu: Bảo Diệm Như Lai, còn một nghìn người con của vua, chính là một nghìn vị Phật trong đời Hiền kiếp.*

Đức Phật nói:

“Thiên Đế! Phải biết cái yếu điểm (điều quan trọng hơn cả) pháp cúng dường là hơn hết trong việc cúng dường, bực nhứt không chi sánh kịp”.

Này Thiên Đế! Phải lấy pháp cúng dường mà cúng dường các đức Phật.

Cho nên, việc cúng dường Tam Bảo là quý (tạo những nhân duyên tốt lành – để ngày càng gần hơn “cửa Phật” – như vua Nguyệt Cái và nghìn người con),

bên cạnh đó ra sức *tin, hiểu, thọ, trì đọc, tụng, tu hành* theo các kinh thì Phước đức “*nhiều như hư không*” là không thể nghĩ bàn.

XIV. PHÂM CHÚC LỤY

Đây là phâm có tên gọi: Chúc lụy, có nghĩa: sự giao phó . Đức Phật đã giao phó pháp bảo – song hành cùng thời gian: đến “*vô lượng ức a tăng kỳ kiếp*”. *A tăng kỳ* vốn là số nhiều không sao đếm nổi, lại thêm *vô lượng* thì có nghĩa là vĩnh cửu, là vô hạn. Vì sao lại cho rằng pháp bảo Phật có tính song hành với thời gian ? Như đã trình bày, Triết lý Phật là triết lý riêng biệt, nằm ngoài, không thuộc *hữu sanh hữu diệt*, cho nên, Pháp bảo đức Như Lai để lại là Vô sanh, vô diệt (xem thêm “Triết lý riêng biệt”).

Đến đây xuất hiện khái niệm: *Thần lực* (hoặc có thể gọi đó là “Phật lực”). Như vậy, vấn đề đã rõ: “Phật lực” luôn nằm sau các câu kinh, bài kệ. Chỉ còn mỗi việc đối với người tu hành: chuyển hóa “Phật lực” ấy vào cho mình. Chuyển hóa bằng cách nào ? Bằng cách: *tin, hiểu, thọ, trì đọc, tụng*. Cho nên, nói tu Phật mà hàng ngày không *thọ, trì đọc, tụng* thì sao gọi là tu được ? Có mất nhiều thời gian không ? Xin trả lời: không hề mất nhiều thời gian chút nào, nếu là người bận bịu, đa đoan: chỉ cần dăm, mười phút (xem mục “Hỏi-đáp”).

Vào thời Mạt kiếp (thời bây giờ) – khắp cõi Diêm phù đề (sáu cõi đã dẫn) sẽ có nhiều: “*Thiện nam, thiện nữ và Thiên, Long, Quỷ thần, Càn thát bà, La sát v.v... phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ra pháp Đại thừa, nếu không cho họ nghe những kinh như thế thời mất lợi lành*”. Tuy nhiên: Phải rất **cẩn trọng** khi đem kinh này (kể cả “*Tâm kinh Bát Nhã*”, “*Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa*) ra mà giải thuyết cho họ nghe, họ hiểu.

Đức Phật căn dặn: *Đối với những Bồ Tát mới học* (mới tiếp cận pháp Phật), *mới tu* thì: những Bồ tát có tâm như sau:

- 1- *Những kinh điển thậm thâm chưa từng nghe nếu nghe thời sợ sệt sanh lòng nghi, không tùy thuận được, chê bai không tin rồi nói rằng: "Kinh này từ trước đến giờ ta chưa từng nghe, từ đâu đến đây?"*,
- 2- *Nếu có người hộ trì giải nói những kinh sâu xa như thế, không chịu gần gũi cúng dường cung kính, hoặc ở nơi đó nói lỗi xấu của người kia.*

Thì phải **cẩn nhắc**. “*Phải biết Bồ Tát mới học* (đó, nếu tiếp cận kinh này sớm thì) *chỉ là tự tổn hại chớ không thể ở nơi pháp thậm thâm mà điều phục được tâm mình.*

Nếu một khi có Bồ Tát nào mới tu, mới học – không có các tâm tính như trên, mà không cho họ tiếp cận kinh này, bởi:

- 1- *Khinh dễ các Bồ Tát mới học mà không dạy bảo,*
- 2- *Dù tin hiểu thậm pháp mà lại chấp tướng phân biệt.*

Thì những người đó (Bồ Tát đó) sẽ “không thể chứng được vô sanh pháp nhân”.

Về tổng quát, có hai kiểu Bồ Tát:

1- Ưu những câu văn hay đẹp,

2- Không sợ nghĩa sâu xa, hiểu được đúng như thật.

“Nhu hạng ưa về những câu văn hay đẹp, phải biết đó là Bồ Tát mới học. Nếu ở nơi kinh điển thậm thâm không niêm, không trước, không có chút sợ sệt và hiểu rõ được đó, nghe rồi tâm thanh tịnh thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói mà tu hành, phải biết đó là hạng tu hành đã lâu”.

“Bồ Tát Di Lặc nghe Phật nói như thế rồi, bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có! Như lời Thế Tôn đã nói, con quyết xa lìa các lỗi như thế, xin vung giữ pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã chứa nhóm từ vô lượng a tăng kỳ kiếp của Như Lai. Nếu vị lai có gã thiện nam, tín nữ nào cầu pháp Đại thừa, con sẽ làm cho tay người đó được những kinh như thế và cho họ cái sức ghi nhớ để thọ trì đọc tụng, diễn nói cho người - Bạch Thế Tôn! Nếu đời sau có người thọ trì đọc, tụng diễn nói kinh này cho người khác, đó chính là thân lực của Di Lặc lập nên”.

“Phật nói:

- Hay thay! Hay thay! Di Lặc này! Như lời ông nói, ta sẽ giúp cho ông vui thêm” (cũng có nghĩa Như Lai sẽ gia hộ thêm để Bồ Tát Di Lặc được mãn nguyện).

“Bấy giờ Phật bảo A Nan rằng:

- Ông hãy thọ trì lấy kinh này, rộng nói khắp truyền cho đời sau.

A Nan thưa:

- Dạ! Con đã thọ trì rồi. Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì?

Phật bảo A nan:

- Kinh này tên là "Duy Ma Cát Sở Thuyết" cũng gọi là "Bất Khả Tư nghị Giải Thoát Pháp Môn", ông nên thọ trì”.

“Phật nói kinh này rồi, Trưởng giả Duy Ma Cát, Văn Thù Sư Lợi, Xá Lợi Phất, A Nan v.v... và các hàng Trời, Người, A tu la, tất cả đại chúng nghe lời Phật nói đều rất vui mừng tin nhận kính vâng làm theo”.

(10/03/2012)

Phan Tùng Châu